

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4190/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 1071/TTg-TCCV ngày 30 tháng 6 năm 2009;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 8397/TT-STC-VP ngày 21 tháng 8 năm 2009 và Tờ trình số 28/TTr-ĐA30 ngày 26 tháng 8 năm 2009 của Tổ phó Tổ công tác thực hiện Đề án 30 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh.

1. Trường hợp thủ tục hành chính nêu tại Quyết định này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau ngày Quyết định này có hiệu lực và các thủ tục hành chính mới được ban hành thì áp dụng đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

2. Trường hợp thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng chưa được công bố tại Quyết định này hoặc có sự khác biệt giữa nội dung thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này thì được áp dụng theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

Điều 2. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tổ công tác thực hiện Đề án 30 của Ủy ban nhân dân thành phố thường xuyên cập nhật để trình Ủy ban nhân dân thành phố công bố những thủ tục hành chính nêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này. Thời hạn cập nhật hoặc loại bỏ bộ thủ tục hành chính này chậm nhất không quá 10 ngày, kể từ ngày văn bản quy định thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

Đối với các thủ tục hành chính nêu tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tổ công tác thực hiện Đề án 30 trình Ủy ban nhân dân thành phố công bố trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày phát hiện có sự khác biệt giữa nội dung thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này hoặc thủ tục hành chính chưa được công bố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4190/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

STT	Tên thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
1	Thủ tục Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản (chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ bản nằm trong kế hoạch vốn đầu thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA được giao hàng năm, thuộc cấp ngân sách thành phố, cấp ngân sách quận, huyện, cấp ngân sách phường, xã) (062944)
2	Thủ tục Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán (đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách thuộc cấp ngân sách thành phố, cấp ngân sách quận, huyện, cấp ngân sách phường, xã) (063073)
3	Thủ tục Thẩm định quyết toán ngân sách cấp dưới (064732)
4	Thủ tục Thẩm định quyết toán chi vốn xây dựng cơ bản hàng năm (063140)
5	Thủ tục Lập quyết toán ngân sách nhà nước (064657)
6	Thủ tục Lập dự toán ngân sách nhà nước (064628)
7	Thủ tục Chi ngân sách cho các đơn vị, cá nhân (063150)
8	Thủ tục Thoái thu số nợ ngân sách nhà nước trong trường hợp không điều tiết về Trung ương (063151)
9	Thủ tục Lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách cho địa phương (063277)

10	Thủ tục Kiểm tra kế hoạch, chương trình thực hiện tiết kiệm chống lãng phí (063208)
11	Thủ tục Hoàn trả các khoản thu cho cá nhân, tổ chức (chi trả phần vắng đồng sở hữu, đồng thừa kế sở hữu tư nhân) (063395)
12	Thủ tục Hoàn trả các khoản đã nộp ngân sách nhà nước (063422)
13	Thủ tục Điều chỉnh thu ngân sách nhà nước (063437)
14	Thủ tục Chuyển số dư tạm ứng và chuyển nguồn sang năm sau (063458)
15	Thủ tục Chi trả nợ dân (063488)
16	Thủ tục Thoái trả tiền sử dụng đất đối với trường hợp đã nộp hết tiền mua nhà thuộc sở hữu nhà nước, nay Nhà nước hỗ trợ cho người có công (063511)
17	Thủ tục Xét duyệt (thẩm định) và thông báo xét duyệt (thẩm định) quyết toán ngân sách năm đối với các đơn vị dự toán (064579)
18	Thủ tục Thẩm định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc khối thành phố quản lý (063542)
19	Thủ tục Cấp bổ sung dự toán kinh phí hoạt động để giải quyết các chế độ chính sách về tài chính, kế toán (063557)
20	Thủ tục Xây dựng dự toán thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị khối thành phố và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động (064768)
21	Thủ tục Thẩm tra dự toán năm, điều chỉnh dự toán năm (063572)
22	Thủ tục Thẩm định nhu cầu bổ sung kinh phí và thẩm định hiệp y dự toán kinh phí (bao gồm kinh phí chi thường xuyên, kinh phí chương trình mục tiêu, kinh phí đào tạo) (064762)
23	Thủ tục Trình bổ sung dự toán (063583)
24	Thủ tục Lập kế hoạch mua sắm sửa chữa tài sản (063594)
25	Thủ tục Thẩm định Đề án quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (064708)
26	Thủ tục Trích kinh phí phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông (063611)
27	Thủ tục Thẩm định dự toán cấp phát, quyết toán ngân sách hành chính sự nghiệp (063625)

28	Thủ tục Giải quyết các khoản chi thường xuyên (063635)
29	Thủ tục Điều chỉnh dự toán chi ngân sách của các đơn vị trong phạm vi tổng dự toán được Ủy ban nhân dân thành phố giao (064383)
30	Thủ tục Chi ngân sách cho các đơn vị đã có trong dự toán được giao (064390)
31	Thủ tục Phê duyệt dự toán chi phí quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đối với dự án cấp thành phố (064667)
32	Thủ tục Phê duyệt dự toán chi phí quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đối với dự án cấp quận, huyện (064680)
33	Thủ tục Thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (064721)
II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC	
1	Thủ tục Đăng ký tài sản Nhà nước đối với tài sản từ 500 triệu đồng trở lên (062005)
2	Thủ tục Điều chuyển tài sản khác (từ 500 triệu đồng trở lên) (062093)
3	Thủ tục Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất (062428)
4	Thủ tục Thu hồi tài sản là các tài sản khác (từ 500 triệu đồng trở lên) (063128)
5	Thủ tục Đấu giá quyền sử dụng đất (063152)
6	Thủ tục Lập phương án xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc đối với tài sản có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên không phải là nhà đất và phương tiện giao thông vận tải (063169)
7	Thủ tục Xác nhận viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước (064738)
8	Thủ tục Thu hồi tài sản là trụ sở làm việc, phương tiện đi lại (062373)
9	Thủ tục Xét duyệt quyết toán chi phí chống buôn lậu, chi phí xử lý hàng tịch thu (064429)
10	Thủ tục Đăng ký tài sản nhà nước đối với trụ sở làm việc và xe ô tô (064466)
11	Thủ tục Điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc, phương tiện vận tải (064508)
12	Thủ tục Mua sắm tài sản là xe ô tô (064545)
13	Thủ tục Xử lý tài sản vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước (064678)

14	Thủ tục Lập phương án xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc đối với tài sản là nhà đất và phương tiện giao thông vận tải (064583)
15	Thủ tục Bán đấu giá tài sản (064601)
III. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ VỐN CỦA NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP	
1	Thủ tục Thẩm định giao tỷ suất lợi nhuận trên vốn Nhà nước cho công ty 100% vốn nhà nước (062302)
2	Thủ tục Cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí (062316)
3	Thủ tục Cấp trợ giá cước vận chuyển ấn phẩm văn hóa xuất khẩu (062323)
4	Thủ tục Cấp phát kinh phí trợ giá đàn giống gốc (062338)
5	Thủ tục Thẩm định mua, bán tài sản vượt quá thẩm quyền của doanh nghiệp theo Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2009 (062355)
6	Thủ tục Thẩm định phê duyệt tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành (062367)
7	Thủ tục Thẩm định, trình phê duyệt, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty Nhà nước (062402)
8	Thủ tục Xếp loại doanh nghiệp (062416)
9	Thủ tục Hướng dẫn kế toán cho doanh nghiệp nhà nước (062425)
10	Thủ tục Kiểm tra quyết toán tài chính doanh nghiệp năm (062224)
11	Thủ tục Phê duyệt quyết toán hỗ trợ kinh phí giải quyết lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước
IV. LĨNH VỰC GIÁ	
1	Thủ tục Thẩm tra chi phí dịch vụ, sản phẩm công ích (063101)
2	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (063147)
3	Thủ tục Thẩm định giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo 2 cơ chế giá (064395)
4	Thủ tục Phê duyệt hồ sơ phương án giá (do nhà nước quản lý định giá, quy định giá thuộc thẩm quyền) (064425)
5	Thủ tục Phê duyệt hồ sơ và thủ tục hiệp thương giá (064438)

6	Thủ tục Thẩm định đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (064445)
7	Thủ tục Thủ tục xác định đơn giá thuê đất cho các tổ chức được Nhà nước cho thuê đất (theo bảng giá đất) (064456)
8	Thủ tục Xác định giá trị quyền sử dụng đất (064471)
9	Thủ tục kê khai giá (hàng hóa và dịch vụ) (064685)
10	Thủ tục Thẩm định giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo cơ chế giá thị trường (064717)
11	Thủ tục Thẩm định phương án giá (do Nhà nước quản lý định giá; quy định giá thuộc thẩm quyền) (062269)
12	Thủ tục Hồ sơ kê khai giá cước vận tải bằng ô tô (062353)
13	Thủ tục Thẩm định dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư
V. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO	
1	Thủ tục Quy trình tiếp dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo (062170)

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Thủ tục Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản (chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ bản nằm trong kế hoạch vốn đầu thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA được giao hàng năm, thuộc cấp ngân sách thành phố, cấp ngân sách quận, huyện, cấp ngân sách phường, xã)

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Các đơn vị thực hiện kê khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách theo mẫu 03-MSNS-BTC “Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư”; mẫu 04-MSNS-BTC “Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cấp cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn thực hiện đầu tư”; mẫu 05-MSNS-BTC “Tờ khai đăng ký bổ sung thông tin chuyển giai đoạn dự án đầu tư xây dựng cơ bản”.

* Bước 2: Nộp lại hồ sơ cho các đơn vị chủ quản để tổng hợp và xác nhận vào bảng thống kê theo Mẫu số 08B -MSNS-BTC “Bảng thống kê đơn vị đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản)”

+ Đối với các đơn vị thuộc cấp ngân sách TP: nộp cho Sở Tài chính - số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần.

+ Đối với các đơn vị thuộc cấp ngân sách quận, huyện: nộp cho Phòng Tài chính quận, huyện.

* Bước 3: Các đơn vị chủ quản sau khi tổng hợp, xác nhận vào bảng thống kê gửi toàn bộ tờ khai đăng ký và bảng thống kê về Sở Tài chính để cấp mã số, có giấy biên nhận.

* Bước 4: Căn cứ vào thông tin trên bảng kê khai, Sở Tài chính kiểm tra, nhập thông tin vào chương trình cấp mã số. Sau đó in giấy chứng nhận gửi lại đơn vị tại Sở Tài chính (số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ:

+ Các đơn vị sử dụng ngân sách kê khai theo:

. Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư (Mẫu số 03-MSNS-BTC)

. Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cấp cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn thực hiện đầu tư (Mẫu số 04-MSNS-BTC)

. Tờ khai đăng ký bổ sung thông tin chuyển giai đoạn dự án đầu tư xây dựng cơ bản (Mẫu số 05-MSNS-BTC)

+ Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền (bản sao có đóng dấu sao y của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)

+ Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư (bản sao có đóng dấu sao y của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)

+ Các cơ quan tài chính quận, huyện lập bảng thống kê các tờ khai đăng ký thuộc phạm vi quản lý theo mẫu số 08B-MSNS-BTC: “Bảng thống kê đơn vị đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản)”.

b) Số lượng hồ sơ: 1 bộ.

- *Thời hạn giải quyết:* 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài chính.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính:* Giấy chứng nhận

- *Lệ phí* (nếu có): không có.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

* Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư (Mẫu số 03-MSNS-BTC)

* Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cấp cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn thực hiện đầu tư (Mẫu số 04-MSNS-BTC)

* Tờ khai đăng ký bổ sung thông tin chuyên giai đoạn dự án đầu tư xây dựng cơ bản (Mẫu số 05-MSNS-BTC)

* Bảng thống kê đơn vị đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản (Mẫu số 08B-MSNS-BTC)

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

* Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002.

* Luật Kế toán ngày 06 tháng 6 năm 2003.

* Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003.

* Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

* Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

* Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài Chính.

* Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2005 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

* Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định về mã số các đơn vị có quan hệ với ngân sách.

* Quyết định số 51/2008/QĐ-BTC ngày 14 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mã số các đơn vị có quan hệ với ngân sách.

Mẫu số 03-MSNS-BTC: Mẫu tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư (Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BTC ngày 14/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Mẫu số: 03-MSNS-BTC

Bộ, ngành:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tỉnh/TP:

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH
DÙNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
Ở GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**

1. Tên dự án đầu tư:
2. Dự án cấp trên (đối với tiểu dự án):
 - 2.1 Tên dự án cấp trên:
 - 2.2 Mã dự án cấp trên:
3. Chủ đầu tư:
 - 3.1. Tên chủ đầu tư:.....
 - 3.2 Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:.....
 - 3.3 Địa chỉ chủ đầu tư:
 - Tỉnh, Thành phố:
 - Quận, huyện:Xã, phường:
 - Địa chỉ chi tiết:.....
 - Điện thoại:....., Fax.....
4. Ban quản lý dự án (nếu có):
 - 4.1 Tên Ban quản lý dự án :.....
 - 4.2 Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách :.....
 - 4.3 Địa chỉ ban quản lý dự án:
 - Tỉnh, Thành phố:
 - Quận, huyện:Xã, phường:.....
 - Địa chỉ chi tiết:.....
 - Điện thoại:....., Fax.....
5. Cơ quan chủ quản cấp trên:
 - 5.1 Tên cơ quan chủ quản cấp trên:
 - 5.2 Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:
6. Chương trình mục tiêu (nếu có):
 - 6.1 Tên chương trình mục tiêu:
 - 6.2 Mã chương trình mục tiêu:
7. Văn bản phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư:
 - 7.1 Cơ quan ra văn bản:
 - 7.2 Số văn bản
 - 7.3 Ngày ra văn bản:.....
 - 7.4 Người ký văn bản:

7.5 Tổng kinh phí:.....

7.6 Nguồn vốn:..

Nguồn vốn	Tỉ lệ nguồn vốn

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03-MSNS-BTC

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

Mẫu tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên dự án đầu tư theo văn bản thành lập.

2. Dự án cấp trên:

2.1. *Tên dự án cấp trên:* Nếu dự án là tiểu dự án (được tách ra từ một dự án lớn) ghi rõ tên dự án cấp trên.

2.2. *Mã số dự án cấp trên:* Nếu dự án là tiểu dự án (được tách ra từ một dự án lớn), ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của dự án cấp trên.

3. Chủ đầu tư:

3.1. *Tên chủ đầu tư:* Ghi rõ tên của chủ đầu tư.

3.2. *Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:* Ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của chủ đầu tư.

3.3. Địa chỉ chủ đầu tư:

- *Tỉnh, Thành phố:* Ghi rõ tên tỉnh/thành phố

- *Quận, Huyện:* Ghi rõ tên quận/huyện

- *Phường, Xã:* Ghi rõ tên phường/xã

- *Địa chỉ chi tiết:* Ghi chi tiết địa chỉ của chủ đầu tư.

- *Điện thoại:* Nếu có số điện thoại thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại.

- *Fax:* Nếu có số Fax thì ghi rõ mã vùng - số Fax.

4. Ban Quản lý dự án đầu tư (nếu có): Chỉ kê khai khi Chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án để quản lý dự án.

4.1. *Tên Ban quản lý dự án:* Ghi rõ tên Ban quản lý dự án.

4.2. *Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:* Ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của Ban quản lý dự án đầu tư.

4.3. *Địa chỉ Ban quản lý dự án:* Kê khai rõ địa chỉ Ban quản lý dự án theo như hướng dẫn kê khai tại mục 3.3

5. Cơ quan chủ quản cấp trên:

5.1. *Tên cơ quan chủ quản cấp trên:* Ghi rõ tên của cơ quan chủ quản cấp trên, trường hợp chủ đầu tư đồng thời là cơ quan chủ quản thì ghi tên của chủ đầu tư ở mục 3.1

5.2. *Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:* Ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của cơ quan chủ quản cấp trên, trường hợp chủ đầu tư đồng thời là cơ quan chủ quản thì ghi mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của chủ đầu tư ở mục 3.2.

6. Chương trình mục tiêu (nếu có):

6.1. *Tên chương trình mục tiêu:* Ghi rõ tên chương trình mục tiêu của dự án .

6.2. *Mã chương trình mục tiêu:* Ghi rõ mã chương trình mục tiêu dự án quốc gia theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BTC ngày 11/4/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành mã số danh mục chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia.

7. Văn bản phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư:

7.1. *Cơ quan ra văn bản:* Tên cơ quan ra văn bản phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư. Ghi theo Cơ quan ra văn bản chuẩn bị đầu tư nếu thuộc cùng một văn bản phê duyệt.

7.2. *Số văn bản:* Số văn bản phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư. Ghi theo số quyết định chuẩn bị đầu tư nếu thuộc cùng một quyết định phê duyệt.

7.3 *Ngày văn bản*: Ngày ký văn bản phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư. Ghi theo ngày ký quyết định phê duyệt chuẩn bị đầu tư nếu thuộc cùng một quyết định phê duyệt.

7.4 *Người ký văn bản*: Người ký văn bản phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư. Ghi theo Người ký quyết định chuẩn bị đầu tư nếu thuộc cùng một quyết định phê duyệt.

7.5 *Tổng kinh phí*: Ghi rõ tổng kinh phí quyết định phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư.

7.6 *Nguồn vốn đầu tư*: Ghi chi tiết một hoặc nhiều nguồn vốn theo nguồn vốn và tỉ lệ từng nguồn vốn đầu tư và tổng các nguồn vốn đầu tư này phải bằng 100%.

Mẫu số 04-MSNS-BTC: Mẫu tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cấp cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn thực hiện đầu tư (Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BTC ngày 14/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Mẫu số: 04-MSNS-BTC

Bộ, ngành:.....
Tỉnh/TP:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH
DÙNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
Ở GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án đầu tư:
2. Nhóm dự án đầu tư:

<input type="checkbox"/> Dự án quan trọng quốc gia	<input type="checkbox"/> Dự án nhóm B
<input type="checkbox"/> Dự án nhóm A	<input type="checkbox"/> Dự án nhóm C
3. Hình thức dự án:

<input type="checkbox"/> Xây dựng mới	<input type="checkbox"/> Cải tạo mở rộng	<input type="checkbox"/> Cải tạo sửa chữa
---------------------------------------	--	---
4. Hình thức quản lý thực hiện dự án:

<input type="checkbox"/> Trực tiếp quản lý thực hiện	<input type="checkbox"/> Ủy thác đầu tư
<input type="checkbox"/> Thuê tư vấn quản lý dự án	<input type="checkbox"/> Khác
5. Dự án cấp trên (đối với tiêu dự án):
 - 5.1 Tên dự án cấp trên:
 - 5.2 Mã dự án cấp trên:
6. Chủ đầu tư:
 - 6.1 Tên chủ đầu tư:
 - 6.2 Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:
 - 6.3 Địa chỉ chủ đầu tư:

- Tỉnh, Thành phố:	
- Quận, huyện:	- Xã, phường:
- Địa chỉ chi tiết:	
- Điện thoại:, Fax:	
7. Ban quản lý dự án (nếu có):
 - 7.1 Tên Ban Quản lý dự án:
 - 7.2 Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:
 - 7.3 Địa chỉ Ban quản lý dự án:

- Tỉnh, Thành phố:	
- Quận, huyện:	- Xã, phường:
- Địa chỉ chi tiết:	
- Điện thoại:, Fax:	

8. Cơ quan chủ quản cấp trên:

8.2 Tên cơ quan chủ quản cấp trên:

8.1 Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách :

9. Chương trình mục tiêu (nếu có):

9.1 Tên chương trình mục tiêu:

9.2 Mã chương trình mục tiêu :

10. Ngành kinh tế:

Mã ngành kinh tế	Tên ngành kinh tế

11. Quyết định đầu tư:

11.1 Cơ quan ra quyết định:

11.2 Số quyết định:

11.3 Ngày quyết định:.....

11.4 Người ký quyết định:.....

11.5 Thời gian bắt đầu thực hiện được duyệt:.....

11.6 Thời gian hoàn thành dự án được duyệt:.....

11.7 Tổng mức đầu tư xây dựng công trình: .

Chi phí xây dựng.....

Chi phí dự phòng:

Chi phí thiết bị:

Chi phí quản lý dự án:

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tái

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:.....

định cư.....

Chi phí khác:

11.8 Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn	Tỉ lệ nguồn vốn

11.9 Địa điểm thực hiện dự án:

Quốc gia	Tỉnh, Thành phố	Quận, huyện	Xã, phường

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04-MSNS-BTC**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI****MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN Ở GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ**

1. Tên dự án đầu tư: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên dự án đầu tư theo quyết định thành lập.

2. Nhóm dự án đầu tư: Đánh dấu X vào 1 trong các ô nhóm dự án tương ứng.

3. Hình thức dự án: Đánh dấu X vào 1 trong các ô hình thức dự án tương ứng.

4. Hình thức quản lý thực hiện dự án: Đánh dấu X vào 1 trong các ô hình thức quản lý thực hiện dự án tương ứng.

5. Dự án cấp trên:

5.1. *Tên dự án cấp trên:* Nếu dự án là tiểu dự án (được tách ra từ một dự án lớn) ghi rõ tên dự án cấp trên.

5.2. *Mã dự án cấp trên:* Nếu dự án là tiểu dự án (được tách ra từ một dự án lớn), ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của dự án cấp trên.

6. Chủ đầu tư:

6.1 *Tên chủ đầu tư:* Ghi rõ tên của chủ đầu tư.

6.2 *Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:* Ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của Chủ đầu tư.

6.3 Địa chỉ chủ đầu tư:

- *Tỉnh, Thành phố:* Ghi rõ tên tỉnh/thành phố

- *Quận, Huyện:* Ghi rõ tên quận/huyện

- *Phường, Xã:* Ghi rõ tên phường/xã

- *Địa chỉ chi tiết:* Ghi chi tiết địa chỉ của chủ đầu tư.

- *Điện thoại:* Nếu có số điện thoại thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại.

- *Fax:* Nếu có số Fax thì ghi rõ mã vùng - số Fax.

7. Ban Quản lý dự án đầu tư (nếu có): Chỉ kê khai khi Chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án để quản lý dự án.

7.1 *Tên Ban quản lý dự án:* Ghi rõ tên ban quản lý dự án.

7.2 *Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:* Ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của Ban quản lý dự án.

7.3 *Địa chỉ Ban quản lý dự án:* Kê khai rõ địa chỉ Ban quản lý dự án đầu tư theo như hướng dẫn kê khai tại mục 6.3.

8. Cơ quan chủ quản cấp trên:

8.1 *Tên cơ quan chủ quản cấp trên:* Ghi rõ tên của cơ quan chủ quản cấp trên, trường hợp chủ đầu tư đồng thời là cơ quan chủ quản thì ghi tên của chủ đầu tư ở mục 6.1.

8.2 *Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:* Ghi rõ mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của cơ quan chủ quản cấp trên, trường hợp chủ đầu tư đồng thời là cơ quan chủ quản thì ghi mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của chủ đầu tư ở mục 6.2.

9. Chương trình mục tiêu: (nếu có).

9.1 *Tên chương trình mục tiêu:* Ghi rõ tên chương trình mục tiêu của dự án .

9.2 *Mã chương trình mục tiêu:* Ghi rõ mã chương trình mục tiêu dự án quốc gia theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BTC ngày 11/4/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành mã số danh mục chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia.

10. Ngành kinh tế: Ghi rõ mã và tên một hoặc nhiều ngành kinh tế nếu có. Ghi theo mã và tên ngành kinh tế theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

11. Quyết định đầu tư:

11.1 Cơ quan ra quyết định: Tên cơ quan ra quyết định đầu tư.

11.2 Số quyết định: Số quyết định đầu tư.

11.3 Ngày quyết định: Ngày ký quyết định đầu tư.

11.4 Người ký quyết định: Người ký quyết định đầu tư.

11.5 Thời gian bắt đầu thực hiện được duyệt: Ghi rõ thời gian bắt đầu thực hiện được duyệt nếu có.

11.6 Thời gian hoàn thành dự án được duyệt: Ghi rõ thời gian hoàn thành dự án được duyệt nếu có.

11.7 Tổng mức đầu tư xây dựng công trình: Mức tối đa cho phép của dự án, ghi chi tiết theo một hoặc tất cả các loại chi phí.

11.8. Nguồn vốn đầu tư: Ghi chi tiết một hoặc nhiều nguồn vốn theo nguồn vốn và tỉ lệ từng nguồn vốn đầu tư và tổng các nguồn vốn đầu tư này phải bằng 100%.

11.9 Địa điểm thực hiện dự án: Ghi rõ quốc gia nơi thực hiện dự án đối với các dự án của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài. Ghi chi tiết các địa bàn (tỉnh/thành phố, quận/huyện, xã/phường) nếu dự án được thực hiện ở một hoặc nhiều địa điểm tại Việt Nam.

Mẫu số 05-MSNS-BTC: Mẫu tờ khai đăng ký bổ sung thông tin chuyển giai đoạn dự án đầu tư xây dựng cơ bản (Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BTC ngày 14 / 7 /2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Mẫu số: 05-MSNS-BTC

Bộ, ngành:.....

Tỉnh/TP:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ BỔ SUNG THÔNG TIN
CHUYỂN GIAI ĐOẠN DỰ ÁN
DÙNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN**

Tên dự án đầu tư :

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách đã cấp cho dự án đầu tư :

Địa chỉ Chủ đầu tư :

Đơn vị xin đăng ký thay đổi/bổ sung chỉ tiêu đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho dự án đầu tư xây dựng cơ bản như sau:

1. Nhóm dự án đầu tư:

- Dự án quan trọng quốc gia Dự án nhóm B
 Dự án nhóm A Dự án nhóm C

2. Hình thức dự án:

- Xây dựng mới Cải tạo mở rộng Cải tạo sửa chữa

3. Hình thức quản lý thực hiện dự án:

- Trực tiếp quản lý thực hiện Ủy thác đầu tư
 Thuê tư vấn quản lý dự án Khác

4. Ngành kinh tế:

Mã ngành kinh tế	Tên ngành kinh tế

5. Quyết định đầu tư:

5.1 Số quyết định:

5.2 Cơ quan ra quyết định:

5.3 Ngày quyết định:

5.4 Người ký quyết định:

5.4 Thời gian bắt đầu thực hiện:

5.6 Thời gian hoàn thành dự án:

5.7 Tổng mức đầu tư xây dựng công trình:

Chi phí xây dựng.....

Chi phí dự phòng:

Chi phí thiết bị:

Chi phí quản lý dự án:.....

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tái

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:.....

định cư.....

Chi phí khác:

5.8 Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn	Tỉ lệ nguồn vốn

5.9 Địa điểm thực hiện dự án:

Quốc gia	Tỉnh, Thành phố	Quận, huyện	Xã, phường

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 05-MSNS-BTC
HƯỚNG DẪN KÊ KHAI
MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ BỔ SUNG THÔNG TIN CHUYỂN GIAI ĐOẠN
DỰ ÁN DỪNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

- 1. Nhóm dự án đầu tư:** Đánh dấu X vào 1 trong các ô nhóm dự án tương ứng.
- 2. Hình thức dự án:** Đánh dấu X vào 1 trong các ô hình thức dự án tương ứng.
- 3. Hình thức quản lý thực hiện dự án:** Đánh dấu X vào 1 trong các ô hình thức quản lý thực hiện dự án tương ứng.
- 4. Ngành kinh tế:** Ghi rõ mã và tên một hoặc nhiều ngành kinh tế nếu có. Ghi theo mã và tên ngành kinh tế theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.
- 5. Quyết định đầu tư:**
 - 5.1 Số quyết định:* Số quyết định đầu tư.
 - 5.2 Cơ quan ra quyết định:* Tên cơ quan ra quyết định đầu tư.
 - 5.3 Ngày quyết định:* Ngày ký quyết định đầu tư.
 - 5.4 Người ký quyết định:* Người ký quyết định đầu tư.
 - 5.5 Thời gian bắt đầu thực hiện được duyệt:* Ghi rõ thời gian bắt đầu thực hiện được duyệt nếu có.
 - 5.6 Thời gian hoàn thành dự án được duyệt:* Ghi rõ thời gian hoàn thành dự án được duyệt nếu có.
 - 5.7 Tổng mức đầu tư xây dựng công trình dự án:* Mức tối đa cho phép của dự án, ghi chi tiết theo một hoặc tất cả các loại chi phí.
 - 5.8 Nguồn vốn đầu tư:* Ghi chi tiết một hoặc nhiều nguồn vốn theo nguồn vốn và tỉ lệ từng nguồn vốn đầu tư và tổng các nguồn vốn đầu tư này phải bằng 100%.
 - 5.9 Địa điểm thực hiện dự án:* Ghi rõ quốc gia nơi thực hiện dự án đối với các dự án của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài. Ghi chi tiết các địa bàn (tỉnh/thành phố, quận/huyện, xã/phường) nếu dự án được thực hiện ở một hoặc nhiều địa điểm tại Việt Nam.

Mẫu số 08B-MSNS-BTC: Bảng thống kê đơn vị đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản)

Mẫu số 08B-MSNS-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THỐNG KÊ DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH

(Dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 90 /2007/QĐ-BTC ngày 26 /10 /2007)

1. Phòng Tài chính:
2. Quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh
3. Số lượng dự án:

Stt	Tên dự án	Tên Chủ đầu tư	Loại dự án (đầu tư / quy hoạch)	Đơn vị chủ quản cấp trên trực tiếp	Địa chỉ, điện thoại của chủ đầu tư

Ngày, tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

2. Thủ tục Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán (đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách thuộc cấp ngân sách thành phố, cấp ngân sách quận, huyện, cấp ngân sách phường, xã)

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Các đơn vị thực hiện kê khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách theo Mẫu số 01-MSNS-BTC Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách”

* Bước 2: Nộp lại hồ sơ cho các đơn vị chủ quản để tổng hợp và xác nhận vào bảng thống kê theo Mẫu số 08A-MSNS-BTC “ Bảng thống kê đơn vị đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách)”

+ Đối với các đơn vị thuộc cấp ngân sách thành phố: nộp cho cơ quan chủ quản là các Sở, Ngành, Hội...

+ Đối với các đơn vị thuộc cấp ngân sách quận, huyện: nộp cho Phòng Tài chính quận, huyện.

* Bước 3: Các đơn vị chủ quản sau khi tổng hợp, xác nhận vào bảng thống kê gửi toàn bộ tờ khai đăng ký và bảng thống kê về Sở Tài chính (số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần) để cấp mã số, có giấy biên nhận.

* Bước 4: Căn cứ vào thông tin trên bảng kê khai, Sở Tài chính kiểm tra, nhập thông tin vào chương trình cấp mã số. Sau đó in giấy chứng nhận gửi lại đơn vị tại Sở Tài chính (số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần)

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ:

- Các đơn vị sử dụng ngân sách kê khai theo mẫu số 01-MSNS-BTC “Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách”

- Các đơn vị chủ quản lập bảng thống kê các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc

phạm vi quản lý theo Mẫu số 08A-MSNS-BTC “Bảng thống kê đơn vị đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách)”

- Đối với những đơn vị là Hiệp hội, đoàn thể không có đơn vị chủ quản cấp trên thì ngoài mẫu 01-MSNS-BTC cần phải có thêm bản sao quyết định thành lập và bản sao quyết định giao dự toán kinh phí. Các bản sao phải có công chứng hoặc đóng dấu sao y bản chính của cơ quan ra quyết định.

- Khi cần thay đổi chỉ tiêu quản lý, đơn vị lập tờ khai theo Mẫu số 07-MSNS-BTC “Mẫu tờ khai thay đổi thông tin đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách”

b) Số lượng hồ sơ: 1 bộ.

- *Thời hạn giải quyết*: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Cá nhân và tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài chính.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Giấy chứng nhận

- *Lệ phí* (nếu có): không có.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

* Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách (Mẫu số 01-MSNS-BTC)

* Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Mẫu số 07-MSNS-BTC)

* Bảng thống kê đơn vị đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách) (Mẫu số 08A-MSNS-BTC)

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính* (nếu có): không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002.

* Luật Kế toán ngày 06 tháng 6 năm 2003.

* Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

* Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài Chính.

* Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định về mã số các đơn vị có quan hệ với ngân sách.

* Quyết định số 51/2008/QĐ-BTC ngày 14 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mã số các đơn vị có quan hệ với ngân sách.

Mẫu số 01-MSNS-BTC: Mẫu tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách (Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BTC ngày 14/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Mẫu số: 01-MSNS-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bộ, ngành:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh/TP:

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH
DÙNG CHO ĐƠN VỊ DỰ TOÁN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC,
ĐƠN VỊ KHÁC CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH**

1. Tên đơn vị :

2. Loại hình đơn vị :

--	--

01- Đơn vị sự nghiệp kinh tế

07- Doanh nghiệp Nhà nước

02- Đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học

08- Quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách

03- Đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo

09- Ban quản lý dự án đầu tư

04- Đơn vị sự nghiệp y tế

10- Các đơn vị được hỗ trợ ngân sách

05- Đơn vị sự nghiệp văn hóa thông tin

11- Đơn vị khác

06- Đơn vị quản lý hành chính

3. Chương Ngân sách:

--	--	--

4. Cấp dự toán:

--

4.1 Đơn vị có được đơn vị nào giao dự toán kinh phí hoạt động không?

Không

Có

Nếu chọn “Có” đề nghị ghi rõ tên đơn vị giao dự toán kinh phí hoạt động cho đơn vị:

.....

4.2 Đơn vị có giao dự toán kinh phí hoạt động cho đơn vị nào không?

Không

Có

Nếu chọn “Có” đề nghị ghi rõ tên từ 1 đến 3 đơn vị được đơn vị giao dự toán kinh phí:

-

-

-

5. Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp:

- Tên đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp:.....

- Mã số đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp:.....

6. Quyết định thành lập đơn vị

- Số quyết định:.....
- Ngày thành lập:.....
- Cơ quan ra quyết định:.....

7. Địa điểm.

- Tỉnh, Thành phố:
- Quận, huyện:
- Xã, phường :
- Số nhà, đường phố:
- Điện thoại: Fax:

8. Mã số thuế (nếu có):

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 01-MSNS-BTC
HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH DÙNG CHO CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CÁC ĐƠN VỊ KHÁC CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH

1. Tên đơn vị: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị theo quyết định thành lập.

2. Hình thức đơn vị: Đánh dấu X vào loại hình đơn vị tương ứng và ghi mã số tương ứng vào trong ô

3. Chương Ngân sách: Ghi rõ mã số của Chương ngân sách tương ứng của đơn vị.

4: Cấp dự toán: Ghi rõ vào ô trống cấp dự toán cấp của đơn vị (cấp I, II, III)

4.1 Trả lời câu hỏi bằng cách đánh dấu (✓) vào ô tương ứng. Nếu chọn câu trả lời “Có” đề nghị đơn vị ghi rõ tên đơn vị đã giao dự toán kinh phí hoạt động cho đơn vị hàng năm.

4.2 Trả lời câu hỏi bằng cách đánh dấu (✓) vào ô tương ứng. Nếu chọn câu trả lời “Có” đề nghị đơn vị ghi rõ tên những đơn vị được đơn vị giao dự toán kinh phí hoạt động hàng năm. Nếu đơn vị giao dự toán kinh phí hoạt động cho 1 đơn vị cấp dưới thì ghi tên đơn vị đó, nếu giao dự toán kinh phí cho 2 đơn vị cấp dưới đề nghị ghi rõ tên 2 đơn vị đó, nếu giao dự toán kinh phí cho nhiều hơn 3 đơn vị thì chỉ cần ghi tên 3 đơn vị.

5. Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp

- **Tên đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp.

- **Mã đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp:** Ghi mã đơn vị có quan hệ với ngân sách của đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp.

6. Quyết định thành lập đơn vị:

- **Số quyết định:** Số Quyết định thành lập đơn vị

- **Ngày quyết định:** Ngày ký Quyết định thành lập đơn vị

- **Cơ quan ra quyết định:** Tên cơ quan ra Quyết định thành lập đơn vị

7. Địa điểm:

- **Tỉnh, Thành phố:** Ghi rõ tên tỉnh/thành phố

- **Quận, Huyện:** Ghi rõ tên quận/huyện

- **Phường, Xã:** Ghi rõ tên phường/xã

- **Số nhà, đường phố:** Ghi rõ số nhà, đường phố là địa chỉ của đơn vị

- **Điện thoại, Fax:** Nếu có số điện thoại, fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại, số fax.

8. Mã số thuế (nếu có): Nếu đơn vị có mã số thuế thì ghi rõ mã số thuế.

Lưu ý: Sau khi lập xong tờ khai đăng ký mã số và Thủ trưởng đơn vị ký tên đóng dấu và gửi về Bộ, ngành chủ quản (Vụ Kế hoạch Tài chính hoặc tương đương) xác nhận theo mẫu 08A-MSNS-BTC đối với đơn vị thuộc ngân sách Trung ương; Sở, Ban, ngành chủ quản đối với đơn vị thuộc Ngân sách tỉnh; Phòng Tài chính đối với đơn vị thuộc ngân sách huyện, xã. Nếu đơn vị đồng thời là đơn vị chủ quản cấp trên thì không phải xác nhận. Trường hợp các đơn vị không có đơn vị chủ quản (như các hiệp hội, đoàn thể) thì không phải xác

nhận của đơn vị chủ quản, tuy nhiên ngoài mẫu kê khai này cần bổ sung kèm theo 01 bản sao quyết định thành lập đơn vị và 01 bản sao quyết định giao dự toán kinh phí được cấp. Bản sao quyết định thành lập đơn vị và bản sao quyết định giao dự toán phải là bản công chứng hoặc bản sao đóng dấu sao y bản chính của cơ quan ra quyết định.

Mẫu số 07-MSNS-BTC: Mẫu tờ khai thay đổi thông tin đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.

Mẫu số 07-MSNS-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐIỀU CHỈNH ĐĂNG KÝ MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC ngày 26/10/2007)

Tên Đơn vị / Dự án đầu tư:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách :

Địa chỉ Đơn vị / Chủ đầu tư :

Đơn vị xin đăng ký thay đổi chỉ tiêu đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách như sau:

STT	Chỉ tiêu thay đổi (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
1	ví dụ 1: Tiêu chí số 4: Cấp dự toán	Cấp dự toán: 3	Cấp dự toán : 2
2			
...			

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN:

- Cột (1): Chỉ tiêu ghi trên các mẫu tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.
- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đã kê khai trong lần đăng ký mã số gần nhất.
- Cột (3): Ghi chính xác chỉ tiêu mới thay đổi.

Mẫu số 08A-MSNS-BTC: Bảng thống kê đơn vị đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách)

Mẫu số 08A-MSNS-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

=====o0o=====

**BẢNG THỐNG KÊ ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
CẤP MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH**

(Dùng cho đơn vị Chủ quản kê khai)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC ngày 26/10/2007)

1. Bộ, ngành:
2. Tỉnh/Thành phố
3. Số lượng đơn vị :

STT	Tên đơn vị	Loại hình đơn vị	Chương ngân sách	Cấp dự toán	Đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp	Địa điểm			Mã số Thuế (nếu có)
						tỉnh/ thành phố	quận/ huyện	phường /xã	
1									
2									
3									
....									

Ngày, tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

3. Thủ tục Thẩm định quyết toán ngân sách cấp dưới

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định

* Bước 2: Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện nộp báo cáo qua đường văn thư hoặc đến nộp trực tiếp Sở Tài chính (số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP Hồ Chí Minh, sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần), không có giấy biên nhận

* Bước 3: Chuyên viên nhận báo cáo quyết toán kiểm tra tính đầy đủ, hợp lý của báo cáo quyết toán.

* Bước 4: Xếp lịch, chuẩn bị công tác thẩm định quyết toán tại đơn vị

* Bước 5: Thẩm định quyết toán tại đơn vị

* Bước 6: Ra thông báo thẩm định quyết toán gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện bằng đường văn thư.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ:

+ Biểu số 31: Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách từng quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh năm

+ Biểu số 33: Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách từng xã, phường, thị trấn năm

+ Biểu số 34: Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho các xã, phường, thị trấn thuộc huyện năm kế hoạch

+ Biểu số 36: Quyết toán ngân sách huyện năm

+ Biểu số 38: Quyết toán NS cấp huyện và NS xã năm

+ Biểu số 40: Quyết toán thu ngân sách theo sắc thuế năm

+ Biểu số 42: Quyết toán chi ngân sách huyện năm

+ Biểu số 44: Quyết toán chi Ngân sách huyện, chi Ngân sách cấp huyện, Ngân sách xã năm

+ Biểu số 46: Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, một số mục tiêu nhiệm vụ khác năm

- + Biểu số 48: Quyết toán chi ngân sách theo một số lĩnh vực của từng xã, phường, thị trấn năm....
- + Biểu số 50: Quyết toán chi NS cấp huyện cho từng cơ quan, đơn vị theo từng lĩnh vực năm.....
- + Biểu số 52: Quyết toán chi bổ sung từ NS cấp huyện cho NS từng xã, phường, thị trấn năm.....
- + Biểu số 53: Quyết toán chi đầu tư XD CB các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách đầu tư năm.....
- + Biểu số 01: Cân đối quyết toán ngân sách địa phương năm...
- + Biểu số 03: Quyết toán chi ngân sách địa phương năm...
- + Biểu số 04: Quyết toán thu ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước năm...
- + Biểu số 05: Quyết toán chi ngân sách địa phương theo mục lục NSNN năm...
- + Biểu số 06: Quyết toán chi chương trình mục tiêu theo mục lục ngân sách nhà nước năm...
- + Biểu số 07: Quyết toán chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước
- + Biểu số 08: Thuyết minh tăng, giảm chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể năm...
- + Biểu số 10: Thuyết minh tình hình sử dụng nguồn dự phòng, tăng thu và thưởng vượt thu của ngân sách địa phương năm
- + Biểu số 13: Tổng hợp tình hình thực hiện kinh phí ủy quyền năm
- + Biểu số 14: Quyết toán chi kinh phí ủy quyền theo mục lục ngân sách nhà nước năm ...
- + Biểu số 01/TC (Thông tư số 101/2005/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2005 của Bộ Tài chính): Quyết toán thu ngân sách nhà nước năm...
- + Biểu số 03/ĐVDT (Thông tư số 101/2005/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2005 của Bộ Tài chính): Quyết toán thu chi sự nghiệp niên độ ngân sách năm... của các đơn vị sự nghiệp có thu theo Nghị định số 10/2002/NĐ-CP
- + Biểu số 01 (Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính): Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của Kiểm toán, Thanh tra, Tài chính năm....

+ Biểu số 02 (Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính): Báo cáo thuyết minh quyết toán năm so với dự toán năm...

b) Số lượng hồ sơ: 1 bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Theo Quyết định số 164/2004/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố thời gian ra Thông báo thẩm định quyết toán phải trước 30/7 hàng năm.

+ Thời gian thẩm định là 30 ngày kể từ khi nhận được báo cáo quyết toán của đơn vị.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài chính.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- Kết quả thủ tục hành chính: Thông báo thẩm định quyết toán.

- Lệ phí (nếu có): không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

* Biểu số 31: Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách từng quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh năm

* Biểu số 33: Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách từng xã, phường, thị trấn năm

* Biểu số 34: Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho các xã, phường, thị trấn thuộc huyện năm kế hoạch

* Biểu số 36: Quyết toán ngân sách huyện năm

* Biểu số 38: Quyết toán NS cấp huyện và NS xã năm

* Biểu số 40: Quyết toán thu ngân sách theo sắc thuế năm

* Biểu số 42: Quyết toán chi ngân sách huyện năm

* Biểu số 44: Quyết toán chi NS huyện, chi NS cấp huyện, NS xã năm

- * Biểu số 46: Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, một số mục tiêu nhiệm vụ khác năm
- * Biểu số 48: Quyết toán chi ngân sách theo một số lĩnh vực của từng xã, phường, thị trấn năm....
- * Biểu số 50: Quyết toán chi NS cấp huyện cho từng cơ quan, đơn vị theo từng lĩnh vực năm.....
- * Biểu số 52: Quyết toán chi bổ sung từ NS cấp huyện cho NS từng xã, phường, thị trấn năm.....
- * Biểu số 53: Quyết toán chi đầu tư XDCB các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách đầu tư năm.....
- * Biểu số 01: Cân đối quyết toán ngân sách địa phương năm...
- * Biểu số 03: Quyết toán chi ngân sách địa phương năm...
- * Biểu số 04: Quyết toán thu ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước năm...
- * Biểu số 05: Quyết toán chi ngân sách địa phương theo mục lục NSNN năm...
- * Biểu số 06: Quyết toán chi chương trình mục tiêu theo mục lục ngân sách nhà nước năm...
- * Biểu số 07: Quyết toán chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước
- * Biểu số 08: Thuyết minh tăng, giảm chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể năm...
- * Biểu số 10: Thuyết minh tình hình sử dụng nguồn dự phòng, tăng thu và thưởng vượt thu của ngân sách địa phương năm
- * Biểu số 13: Tổng hợp tình hình thực hiện kinh phí ủy quyền năm
- * Biểu số 14: Quyết toán chi kinh phí ủy quyền theo mục lục ngân sách nhà nước năm ...
- * Biểu số 01/TC (Thông tư số 101/2005/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2005 của Bộ Tài chính): Quyết toán thu ngân sách nhà nước năm...
- * Biểu số 03/ĐVDT (Thông tư số 101/2005/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2005 của Bộ Tài chính): Quyết toán thu chi sự nghiệp niên độ ngân sách năm ... của các đơn vị sự nghiệp có thu theo Nghị định số 10/2002/NĐ-CP

* Biểu số 01 (Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính): Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của Kiểm toán, Thanh tra, Tài chính năm....

* Biểu số 02 (Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính): Báo cáo thuyết minh quyết toán năm so với dự toán năm...

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

* Luật Ngân sách Nhà nước;

* Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách Nhà nước;

* Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

* Thông tư số 101/2005/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác khoá sổ kế toán cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm;

* Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp;

* Thông tư 108/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm;

* Thông tư 63/2009/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định về công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân;

* Quyết định số 164/2004/QĐ-UB ngày 07 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định thời hạn nộp báo cáo quyết toán và xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách năm sau (bắt đầu áp dụng cho quyết toán ngân sách từ năm 2004);

* Văn bản số 3141/STC-HCSN ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn quyết toán theo Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 4 năm 2007.

Tỉnh, thành phố:.....

Phụ lục số 6 - Biểu số 31

**SỐ BỔ SUNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH
TỪNG QUẬN, HUYỆN, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH NĂM**
(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu NS huyện được hưởng theo phân cấp	Dự toán chi NS huyện	Số bổ sung từ NS cấp tỉnh cho NS quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh			
					Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu	Trong đó vốn nước ngoài
A	B	1	2	3	4=3-2	5	6	7
	Tổng số							
1	Huyện A							
2	Quận B							
3	Thị xã C							
4	Thành phố D							
5							

..., ngày...tháng...năm...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN NĂM KẾ HOẠCH

(Dùng cho ngân sách cấp huyện - cho năm đầu thời kỳ ổn định)

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN	Tổng chi NSDP	Chi tiết theo các sắc thuế (1)					
				Thuế chuyển quyền sử dụng đất	Thuế nhà, đất	Thuế môn bài	Thuế sử dụng đất NN	Lệ phí trước bạ nhà, đất	...(theo phân cấp)
A	B			1	2	3	4	5	6
1.	Tổng số								
2.	Xã A								
3.	Phường B								
4.	Thị trấn C								
5.									
6.									
7.									
8.									
9.									
10.									
11.									
12.									
13.									
14.									
15.									

Ghi chú: (1) tỷ lệ phần trăm ghi tỷ lệ ngân sách cấp huyện được hưởng

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN NĂM KẾ HOẠCH

(Dùng cho ngân sách cấp huyện - cho năm đầu thời kỳ ổn định)

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN	Tổng chi NSDP	Chi tiết theo các sắc thuế (1)					
				Thuế chuyển quyền sử dụng đất	Thuế nhà, đất	Thuế môn bài	Thuế sử dụng đất NN	Lệ phí trước bạ nhà, đất	...(theo phân cấp)
A	B			1	2	3	4	5	6
1.	Tổng số								
2.	Xã A								
3.	Phường B								
4.	Thị trấn C								
5.									
6.									
7.									
8.									
9.									
10.									
11.									
12.									
13.									
14.									
15.									
16.									
17.									

Ghi chú: (1) tỷ lệ phần trăm ghi tỷ lệ ngân sách cấp huyện được hưởng

Phụ lục số 6 - Biểu số 36

Huyện (quận, thị xã, thành phố):

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM

(Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC-VG)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Quyết toán năm	So sánh QT/DT(%)
A	B	1	2	3=2/1
A	<u>Tổng thu NSNN trên địa bàn</u>			
1	Thu nội địa (không kể từ dầu thô)			
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu			
3	Thu viện trợ không hoàn lại			
B	Thu ngân sách huyện			
1	<u>Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp</u>			
	- Các khoản thu NS huyện hưởng 100%			
	- Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)			
2	<i>Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh</i>			
	Bổ sung cân đối			
	Bổ sung có mục tiêu			
	Trong đó: Vốn XDCB ngoài nước			
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước			
C	<i>Chi ngân sách huyện</i>			
1	Chi đầu tư phát triển			
2	<u>Chi thường xuyên</u>			
3	Dự phòng			
4	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau			

....., ngàythángnăm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số 6 - Biểu số 38

Huyện (quận, thị xã, thành phố):

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM

(Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Quyết toán năm	So sánh QT/DT(%)
A	B	1	2	3=2/1
<u>A</u>	<u>Ngân sách cấp huyện</u>			
<u>I</u>	<u>Nguồn thu ngân sách cấp huyện</u>			
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp - Các khoản thu NS cấp huyện hưởng 100% - Các khoản thu phân chia NS cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)			
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh Bổ sung cân đối Bổ sung có mục tiêu <i>Trong đó: Vốn XDCB ngoài nước</i>			
<u>II</u>	<u>Chi ngân sách cấp huyện</u>			
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn)			
2	Bổ sung từ ngân sách xã, phường, thị trấn			
	Bổ sung cân đối			
	Bổ sung có mục tiêu <i>Trong đó: Vốn XDCB ngoài nước</i>			
<u>B</u>	<u>Ngân sách xã, phường, thị trấn thuộc huyện</u>			
<u>I</u>	<u>Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn</u>			
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp - Các khoản thu NS xã hưởng 100% - Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện Bổ sung cân đối Bổ sung có mục tiêu <i>Trong đó: Vốn XDCB ngoài nước</i>			
<u>II</u>	<u>Chi ngân sách xã, phường, thị trấn</u>			

....., ngàythángnăm

TM ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Huyện (quận, thị xã, thành phố):.....

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH THEO SẮC THUẾ NĂM

Phụ lục số 6 - Biểu số 40

(Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở Tài chính - Vật giá)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán TW giao Tổng thu NSNN	Thực hiện năm trước					Dự toán năm hiện hành					Dự toán năm ...					Quyết toán năm ...					So sánh DT/QT (%)							
		Tổng số	Khu vực	Khu vực	Khu vực	Các khoản	Tổng số	Khu vực	Khu vực	Khu vực CTN NQD	Các khoản	Tổng số	Khu vực DNN N	Khu vực	Khu vực	Khu vực	Các khoản	Tổng số	Khu vực	Khu vực	Khu vực	Các khoản	Tổng số	Khu vực	Khu vực	Khu vực	Các khoản	Thu NST	Thu NSTP
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
A. Thu NSNN trên địa bàn (1)																													
I/ Các khoản thu từ thuế																													
1/ Thuế giá trị gia tăng																													
1.1 Thuế giá trị gia tăng																													
<i>Tr.đó: Thu về quảng cáo truyền hình</i>																													
<i>Thu từ dầu khí</i>																													
1.2- Thuế thu nhập doanh nghiệp																													
<i>Tr.đó: Thu từ các đơn vị HTTN</i>																													
<i>- Thu về quảng cáo truyền hình</i>																													
<i>- Chênh lệch thu, chi của NHNN</i>																													
<i>- Thu từ dầu khí</i>																													
<i>- Thu từ báo in</i>																													
1.3 Thu nhập sau thuế đài truyền hình																													
1.3 Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa																													
1.5 Thu sử dụng vốn ngân sách																													
1.4 Thuế tài nguyên																													
<i>Tr.đó: - Tài nguyên rừng</i>																													
<i>- Tài nguyên nước thủy điện</i>																													
<i>- Tài nguyên khí, dầu</i>																													
1.5 Thuế môn bài																													
1.6 Thu sự nghiệp																													
<i>Tr.đó: Thu chênh lệch DN công ích</i>																													
1.7 Thu hồi vốn và thu khác từ XNQDTU'																													
a. Thuế GTGT hàng sản xuất trong nước																													
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu																													
2.1 Thuế giá trị gia tăng																													
<i>Tr.đó: Thu về quảng cáo truyền hình</i>																													
2.2- Thuế thu nhập doanh nghiệp																													
<i>Tr.đó: Thu về quảng cáo truyền hình</i>																													

Nội dung	Dự toán TW giao Tổng thu NSNN	Thực hiện năm trước					Dự toán năm hiện hành					Dự toán năm ...					Quyết toán năm ...					So sánh DT/QT (%)						
		Tổng số	Khu vực	Khu vực	Khu vực	Các khoản	Tổng số	Khu vực	Khu vực	Khu vực CTN NQD	Các khoản	Tổng số	Khu vực DNN N	Khu vực	Khu vực	Khu vực	Các khoản	Tổng số	Khu vực	Khu vực	Khu vực	Các khoản	Tổng số	Khu vực	Khu vực	Khu vực	Các khoản	Thu NST
4.6 Thu khác từ khu vực CTN và NQD																												
6/ Thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu																												
7/ Thuế thu nhập doanh nghiệp																												
8/ Thuế chuyên thu nhập ra nước ngoài																												
9/ Thuế tài nguyên																												
10/ Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao																												
11/ Thuế sử dụng đất nông nghiệp																												
12/ Thuế nhà đất																												
13/ Thuế chuyên quyền sử dụng đất																												
14/ Thuế môn bài																												
II/ Các khoản phí, lệ phí																												
15/ Lệ phí trước bạ																												
<i>Tr.đó: phần không cân đối</i>																												
16/ Phí xăng dầu																												
17/ Các loại phí, lệ phí																												
III/ Các khoản thu khác còn lại																												
18/ Thu tiền thuê đất, mặt đất, mặt nước																												
19/ Thu giao quyền sử dụng đất																												
<i>Tr.đó: - Phần tính cân đối</i>																												
<i>- Phần không cân đối</i>																												
16.1- Thu tiền bán cây đứng																												
16.2- Thu tiền phạt																												
<i>Tr.đó: - Phạt an toàn giao thông</i>																												
<i>- Phạt kinh doanh trái pháp luật</i>																												
16.3- Thu tịch thu																												
<i>Tr.đó: - Tịch thu từ công tác chống lậu</i>																												
16.4- Thu hồi các khoản chi năm trước																												
16.5- Thu bán tài sản																												
16.6- Khác																												
20/ Thu bán nhà ở																												
21/ Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản,... của ngân sách xã																												
22/ Thu khác																												

Nội dung	Dự toán TW giao Tổng thu NSNN	Thực hiện năm trước					Dự toán năm hiện hành					Dự toán năm ...					Quyết toán năm ...					So sánh DT/QT (%)							
		Tổng số	Khu vực	Khu vực	Khu vực	Các khoản	Tổng số	Khu vực	Khu vực	Khu vực CTN NQD	Các khoản	Tổng số	Khu vực DNN N	Khu vực	Khu vực	Khu vực	Các khoản	Tổng số	Khu vực	Khu vực	Khu vực	Các khoản	Tổng số	Khu vực	Khu vực	Khu vực	Các khoản	Thu NST	Thu NSTP
IV/ Thu viện trợ không hoàn lại																													
B/ Thu kết dư ngân sách																													
C/ Thu NS huyện được hưởng theo phân cấp																													
D/ Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương																													
1 – Bổ sung cân đối ngân sách																													
Trong đó: bổ sung vốn XDCB ngoài nước																													
2 – Bổ sung theo mục tiêu																													
D/ Các khoản thu để lại Đ.vị chi QLQNS																													
1. Thu huy động đóng góp đầu tư CSHT																													
2. Thu các khoản huy động đóng góp khác																													
3. Thu từ quỹ đất công ích																													
4. Thu học phí																													
5. Thu viện phí																													
7. Thu thủy lợi phí																													
6. Phí, lệ phí																													
...																													
Ghi chú (1) theo phân cấp của tỉnh																													
Tổng thu CD + ĐT sau khi trừ GTGC																													
Thu cố định																													
Thu điều tiết																													
Nguồn để lại																													
Thuế CQSD đất và thuê đất																													
Bán nhà																													
Xổ số																													
Thuê SD đất nông nghiệp																													
Tài nguyên rừng và Bán cây rừng																													
Thu quảng cáo truyền hình																													

..... ngày tháng năm ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Huyện (quận, thị xã, thành phố).....

Phụ lục số 6 - Biểu số 42

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM

(Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC - VG)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Quyết toán năm			So sánh (%) Quyết toán/Dự toán		
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
			NS cấp tỉnh	NS huyện		NS cấp tỉnh	NS huyện		NS cấp tỉnh	NS huyện
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số chi ngân sách									
I	Chi đầu tư phát triển									
	Trong đó									
1	<i>Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề</i>									
2	Chi khoa học và công nghệ									
II	Chi thường xuyên									
	Trong đó									
1	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề									
2	Chi khoa học và công nghệ									
III	Chi trả nợ gốc và lãi các khoản tiền huy động cho đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN									
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
IV	Dự phòng									
VI	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau									

....., ngàythángnăm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Huyện (quận, thị xã, thành phố):

Phục lục số 6 - Biểu số 44

QUYẾT TOÁN CHI NS HUYỆN, CHI NS CẤP HUYỆN, NS XÃ NĂM
(Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC-VG)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Quyết toán năm			So sánh (%) QT/DT		
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
			Cấp huyện	Xã		Cấp huyện	Xã		Cấp huyện	Xã
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	Tổng chi ngân sách									
I	Chi đầu tư phát triển									
	<i>Trong đó</i>									
1	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề									
2	Chi khoa học và công nghệ									
II	Chi thường xuyên									
	Trong đó									
1	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề									
2	Chi khoa học và công nghệ									
III	Dự phòng									
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
V	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau									
B	Các khoản chi từ nguồn thu tại xã, ... quản lý qua ngân sách nhà nước									
	Tổng số (A+B)									

....., ngàythángnăm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Huyện (quận, thị xã, thành phố):

Phụ lục số 6 - Biểu số 46

**QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA,
CHƯƠNG TRÌNH 135, DỰ ÁN TRỒNG MỚI 5 TRIỆU HA RỪNG, MỘT SỐ MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KHÁC NĂM**
(Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC-VG)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm ...	Chia ra						Quyết toán năm	Chia ra					
			Cấp huyện thực hiện			Xã thực hiện				Cấp huyện thực hiện			Xã thực hiện		
			Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn NS	Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn NS		Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn NS	Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn NS
A	B	1=2+5	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14
	Tổng số														
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia														
1	Chương trình xóa đói giảm nghèo và việc làm														
2	Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường														
3	Chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình														
4	Chương trình phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS														
5	Chương trình văn hóa														
6	Chương trình giáo dục đào tạo														
II	Chương trình 135														
	Trong đó: đầu tư cơ sở hạ tầng các xã 135														
III	Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng														

....., ngàythángnăm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Huyện (quận, thị xã, thành phố):

Phụ lục số 6 - Biểu số 48

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA TỪNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NĂM ...

(Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Xã, phường, thị trấn	Dự toán năm	Quyết toán năm	Bao gồm									So sánh QT/DT (%)	
				I/ Chi đầu tư phát triển						II. Chi thường xuyên				
				Tổng số	Tr.đó: Chi đầu tư XD/CB		Trong đó		Tổng số	Trong đó				
					Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Giáo dục đào tạo và dạy nghề		Khoa học công nghệ	Giáo dục đào tạo và dạy nghề	Khoa học công nghệ		
A	B	1	2	4	5		6	7	8	9	10	11	12=2/1	
	Tổng số													
1	Xã A													
2	Phường B													
3	Thị trấn C													
4													

....., ngàythángnăm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Huyện (quận, thị xã, thành phố):

Phụ lục số 6 - Biểu số 50

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM ...
(Dùng cho UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trình HĐND cùng cấp)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên đơn vị	Dự toán năm														Quyết toán năm (Chi tiết như phần dự toán năm...)
		Tổng chi (kể cả chi bằng nguồn huy động, viện trợ)	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên (theo lĩnh vực)							
			Tổng số	Tr.đó: Chi đầu tư XDCB			Trong đó		Tổng số	Gồm		Chi CTMT quốc gia	Chương trình 135	Dự án 5 triệu ha rừng	Chi thực hiện một số nhiệm vụ, mục tiêu khác	
				Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Giáo dục đào tạo và dạy nghề	Khoa học công nghệ						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng số															
I	Các Sở, ban, ngành tỉnh															
	Các cơ quan đơn vị của huyện															
1	Văn phòng Huyện ủy															
2	Văn phòng HĐND và UBND huyện															
3	Phòng Giáo dục															
4	...															
II	Chi hỗ trợ các tổ chức XH và XH nghề nghiệp															
IV	Dự phòng NS cấp huyện															

....., ngàythángnăm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NS CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH XÃ ĐỐI VỚI TỪNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN NĂM
(Dùng cho ngân sách cấp huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tỉnh, thành phố	Dự toán				Quyết toán				So sánh QT/DT (%)	
		Tổng số	Bao gồm		Bổ sung có mục tiêu	Tổng số	Bao gồm		Bổ sung có mục tiêu		
			Bổ sung cân đối				Bổ sung cân đối				
			Tổng số	Trong đó vốn ngoài nước			Tổng số	Trong đó vốn ngoài nước			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	Tổng số										
1	Xã A										
2	Phường B										
3	Thị trấn C										
4											
5											
6											
7											
8											
9											
10											
11											
12											

Tỉnh (huyện):

Phụ lục số 6 - Biểu số 53

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ NĂM HIỆN HÀNH VÀ DỰ TOÁN NĂM ...

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trình HĐND cùng cấp và báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Kế hoạch năm ...					Quyết toán năm ...				
							Tổng số	Tr.đó: Thanh toán kl các năm trước chuyển sang 200...	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Tr.đó: Thanh toán kl các năm trước chuyển sang 200...	Chia theo nguồn vốn		
									Vốn trong nước	Tr.đó: H.động theo K3-Đ8 Luật NSNN (1)	Vốn nước ngoài			Vốn trong nước	Tr.đó: H.động theo K3-Đ8 Luật NSNN (1)	Vốn nước ngoài
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A/ Chuyển tiếp																
I/ Ngành...																
1./ Dự án nhóm A																
a. Dự án A																
b. Dự án B																
....																
2./ Dự án nhóm B																
a. Dự án A																
b. Dự án B																
....																
B/ Khởi công mới																
I/ Ngành...																
1./ Dự án nhóm A																
a. Dự án A																
b. Dự án B																
....																
2./ Dự án nhóm B																
a. Dự án A																
b. Dự án B																
....																

Ghi chú” (1) Đối với cấp huyện không có chỉ tiêu này

....., ngàythángnăm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Phần thu	Tổng số	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Phần chi	Tổng số	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số thu					Tổng số chi				
A Tổng thu cân đối ngân sách					A Tổng số chi cân đối ngân sách				
1 Các khoản thu NSDP hưởng 100%					1 Chi đầu tư phát triển				
2 Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %					Tr.đó: - Chi đầu tư XDCB				
3 Thu tiền huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN					Tr.đó: Chi từ nguồn vốn huy động				
4 Thu từ quỹ dự trữ tài chính					- Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp				
5 Thu kết dư năm trước					2 Chi trả nợ gốc, lãi tiền huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN				
6 Thu chuyển nguồn từ năm trước sang					3 Chi thường xuyên				
7 Thu viện trợ					4 Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
8 Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					5 Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới				
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách					6 Chi chuyển nguồn sang năm sau				
- Bổ sung có mục tiêu									
Kết dư ngân sách năm quyết toán (thu - chi)									
B Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN					B Chi bằng nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN				

..., ngày... tháng... năm....

GIÁM ĐỐC KBNN TỈNH (TP)

(Ký tên và đóng dấu)

..., ngày... tháng... năm....

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ

(Ký tên và đóng dấu)

..., ngày... tháng... năm....

TM. UBND TỈNH (TP)**CHỦ TỊCH**

(Ký tên và đóng dấu)

Đơn vị: Triệu đồng

A	Nội dung chi B	Dự toán năm		Quyết toán năm				So sánh QT/DT (%)	
		TW giao	HĐND quyết định	Tổng số chi NSĐP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	TW giao	HĐND quyết định
		1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=3/1	8=3/2
I	Chi cân đối ngân sách								
1	Chi đầu tư phát triển								
1.1	Chi đầu tư XDCB								
	<i>Tr.đó: + Chi GD-ĐT và dạy nghề + Chi Khoa học và công nghệ</i>								
1.1.01	Chi đầu tư XDCB tập trung								
	<i>Tr.đó: Chương trình 135</i>								
1.1.03	Chi đầu tư từ nguồn huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 của Luật NSNN								
1.1.04	Chi đầu tư từ nguồn hưởng vượt thu								
1.1.05	Chi đầu tư từ nguồn vốn khác								
1.2	Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp theo chế độ								
2	Chi trả nợ gốc, lãi huy động đầu tư Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN								
3	Chi thường xuyên								
3.1	Chi quốc phòng								
3.2	Chi an ninh								
3.3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề								
3.3.01	Chi sự nghiệp giáo dục								
3.3.02	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề								
3.3.03	Chi đào tạo lại								

	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT (%)	
		TW giao	HĐND quyết định	Tổng số chi NSĐP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	TW giao
5	Chi chuyển nguồn							
II	Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi ql qua NSNN (1)							
1							
2							
III	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới							
1	Bổ sung cân đối							
2	Bổ sung có mục tiêu							
	Tr.đó: Bảng nguồn vốn trong nước Bảng nguồn vốn ngoài nước							
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên							
	Tổng số (I+II+III+IV)							

....., ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN TỈNH (TP)

(Ký tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ

(Ký tên và đóng dấu)

..... ngày tháng năm
TM.UBND TỈNH (TP)

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Cột (1) chỉ phản ánh những chỉ tiêu TW giao ở dòng tương ứng

(1)- Phản ánh các khoản chi từ nguồn thu đơn vị được để lại chi theo chế độ quy định

Đơn vị: Đồng

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	NSNN	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)										

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN TỈNH (TP)
(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG NS
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ
(Ký tên và đóng dấu)

Đơn vị: Đồng

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)						

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN TỈNH (TP)
(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG NS
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ
(Ký tên và đóng dấu)

UBND tỉnh, TP
Sở Tài chính - Vật giá

**QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THEO MỤC
LỤC NSNN NĂM**

Phụ lục số 8 - Biểu số 06

(Dùng cho Sở Tài chính - Vật giá báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Đồng

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)						

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN TỈNH (TP)
(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG NS
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ
(Ký tên và đóng dấu)

UBND tỉnh, TP
Sở Tài chính - Vật giá

**QUYẾT TOÁN CHI TỪ NGUỒN THU ĐỀ LẠI QUẢN LÝ QUA
NSNN NĂM**

Phụ lục số 8 - Biểu số 07

(Dùng cho Sở Tài chính - Vật giá báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số		Trong đó					
	Chi đầu tư XDCB	Chi TX	Chi ngành giáo dục		Chi ngành y tế		...	
			Chi đầu tư XDCB	Chi TX	Chi đầu tư XDCB	Chi TX
1	2	3	4	5	6	7	8	...
Tổng số								
- Chi từ nguồn huy động đóng góp XDCS hạ tầng								
- Chi từ nguồn huy động đóng góp khác								
- ...								
- ...								
...								

TRƯỞNG PHÒNG NGÂN SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ
(Ký tên và đóng dấu)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
		NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	
1	2=3+4+5	3	4	5	6
Số quyết toán chi tăng, giảm so với dự toán					
1/ Do chính sách thay đổi					
- Phụ cấp đặc biệt					
- Phụ cấp khu vực					
...					
2/ Nhiệm vụ chi đột xuất được bổ sung					
...					
...					
3/ Tăng, giảm biên chế so với dự toán					
- Số biên chế tăng, giảm					
- Số kinh phí tăng, giảm					
4/ Mua sắm tài sản					
Trong đó: - Số ô tô					
- Số kinh phí					
5/ Sửa chữa trụ sở làm việc					
...					

Ghi chú: Trường hợp (giảm) thì ghi số âm (có dấu trừ ở trước)

TRƯỞNG PHÒNG NGÂN SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ
(Ký tên và đóng dấu)

UBND tỉnh, TP

Sở Tài chính - Vật giá

Phụ lục số 8 - Biểu số 10

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG, TĂNG THU VÀ THƯỞNG VƯỢT DỰ TOÁN THU
CỦA NSDP NĂM**

(Dùng cho Sở Tài chính - Vật giá báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
		Dự phòng	Tăng thu	Thưởng vượt dự toán thu	
A/ Tổng nguồn					
B/ Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSDP					
I/ Chi đầu tư XD CB					
II/ Chi đầu tư và hỗ trợ vốn doanh nghiệp					
III/ Chi thường xuyên					
1/ chi sự nghiệp kinh tế					
2/ Chi giáo dục					
3/ Chi y tế					
4/ Chi đảm bảo xã hội					
.....					

TRƯỞNG PHÒNG NGÂN SÁCH

(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ

(Ký tên và đóng dấu)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH PHÍ ỦY QUYỀN NĂM
(Dùng cho Sở Tài chính - Vật giá và Phòng Tài chính báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: Đồng

Số TT	Nội dung kinh phí ủy quyền	Dự toán	Số thực cấp của cơ quan tài chính ủy quyền	Số thực rút của đơn vị sử dụng kinh phí tại KBNN	Số chưa rút còn dư đến 31/12 bị hủy bỏ hoặc chuyển trả cơ quan TC ủy quyền	Số đơn vị đề nghị quyết toán	Số quyết toán cơ quan tài chính được ủy quyền duyệt	Chênh lệch giữa số được duyệt với số đơn vị đề nghị quyết toán
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số							
1								
2								
3								
...								

Thuyết minh

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN TỈNH (TP)
(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG NGÂN SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ
(Ký tên và đóng dấu)

	<i>Tr.đó: Tịch thu chống lậu</i>								
14.4	Thu tiền bán hàng hoá vật tư dự trữ								
14.5	Thu tiền bán cây đứng								
14.6	Thu bán tài sản								
14.7	Thu thanh lý nhà làm việc								
14.8	Thu hồi các khoản chi năm trước								
14.9	Thu do NS cấp khác hoàn trả khoản thu năm trước								
14.10	Thu khác còn lại (không kể thu khác tại xã)								
II	Thu về dầu khí								
1	Thu về dầu thô								
	Tr.đó: - Thuế tài nguyên								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp								
	- Lợi nhuận phía Việt Nam được hưởng								
2	Thu từ khí lã Chính phủ được chia								
	Tr.đó: - Thuế tài nguyên								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp								
	- Khí lã được chia của Việt Nam								
III	Thuế XK, Thuế NK, Thuế TTĐB, thuế GTGT hàng NK do hải quan thu								
1	Thuế xuất khẩu								
2	Thuế nhập khẩu								
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu								
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu								
5	Thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu								
IV	Thu viện trợ (không kể viện trợ về cho vay lại)								
V	Thu từ quỹ dự trữ tài chính								
VI	Thu kết dư ngân sách năm trước								
VII	Thu chuyển nguồn								
VIII	Thu huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN								
B	CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN (3)								
1	...								
2	...								
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN								
1	Bổ sung cân đối								
2	Bổ sung có mục tiêu								
2.1	<i>Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước</i>								
2.2	<i>Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước</i>								
D	THU TỪ NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NỘP LÊN								

E	THU TÍN PHIẾU, TRÁI PHIẾU CỦA NSTW									
	TỔNG SỐ (A đến E)									

Ngày ... tháng ... năm ...

Giám đốc KBNN tỉnh (TP)

(Ký tên và đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm ...

Giám đốc Sở Tài chính

(Ký tên và đóng dấu)

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM.UBND tỉnh (TP)

Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1) - Bao gồm: Doanh nghiệp tư nhân, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty nước ngoài hoạt động kinh doanh thông qua cơ sở thường trú tại Việt Nam, Hợp tác xã sản xuất - kinh doanh - dịch vụ

(2) - Bao gồm: Cá nhân và nhóm cá nhân kinh doanh, hộ cá thể, cá nhân hành nghề độc lập, cá nhân cho thuê tài sản, cá nhân nước ngoài kinh doanh có thu nhập phát sinh tại Việt Nam

(3) - Chỉ phản ánh các khoản thu đợn vị được để lại chi theo chế độ quy định

ĐƠN VỊ

Biểu số: 03 /ĐVDT

QUYẾT TOÁN THU CHI SỰ NGHIỆP NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH NĂM
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 10/2002/NĐ-CP

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị, ngành, lĩnh vực	Số thu sự nghiệp				Số chi từ nguồn thu sự nghiệp			
		Tổng số	Phí, lệ phí để lại đơn vị	Tài trợ	Sự nghiệp khác	Tổng số	Chi cải cách tiền lương	Chi tăng thu nhập	Chi thực hiện các nhiệm vụ theo chế độ
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10
	Tổng số								

Kế toán trưởng

Ngàytháng.....năm
Thủ trưởng đơn vị

Mã chương:

Đơn vị báo cáo:

**BÁO CÁO THỰC HIỆN XỬ LÝ
KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN, THANH TRA, TÀI CHÍNH**

Biểu 01

Năm

(Dùng cho đơn vị dự toán: cấp I, cấp II và cấp III)

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Số kiến nghị của				Số đã xử lý trong năm				Số còn phải xử lý			
		Tổng số	Kiểm toán nhà nước	Cơ quan Tài chính	...	Tổng số	Kiểm toán nhà nước	Cơ quan Tài chính	...	Tổng số	Kiểm toán nhà nước	Cơ quan Tài chính	...
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=2-6	11=3-7	12=4-8
I	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính các năm trước chưa xử lý												
1	Các khoản thu phải nộp NSNN												
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào NSNN												
3	Nộp trả ngân sách nhà nước												
	- Số chi sai chế độ phải xuất toán		Ghi chú: Trong từng nội dung xử lý phải tổng hợp số liệu chi tiết theo Loại - Khoản của Mục lục NSNN										
	- Số dư kinh phí chưa quyết toán												
4	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát												
5	Bổ sung quyết toán ngân sách năm nay												
6												
II	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính năm nay												
1	Các khoản thu phải nộp NSNN												
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào NSNN												
3	Nộp trả ngân sách nhà nước												
	- Số chi sai chế độ phải xuất toán												
	- Số dư kinh phí chưa quyết toán												
4	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát												
5	Chuyển quyết toán ngân sách năm sau												
6												

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ và tên)

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mã chương:...

Biểu 02

Đơn vị báo cáo:.....

BÁO CÁO
THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NĂM SO VỚI DỰ TOÁN
Năm...

(Áp dụng cho đơn vị dự toán cấp trên: Cấp I, cấp II)

I - Số liệu tổng hợp:

Đơn vị: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao (Kể cả số điều chỉnh trong năm)	Quyết toán năm	So sánh QT/DT	
				Tuyệt đối: Tăng (+), giảm (-)	Tương đối (%)
A	B	1	2	3 = 2-1	4 = 2/1
	Tổng số:				
I	Chi thường xuyên				
1.	Sự nghiệp khoa học công nghệ				
2.	Sự nghiệp kinh tế				
3.	Sự nghiệp môi trường				
4.	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
5.	Sự nghiệp y tế				
6.	Sự nghiệp văn hóa thông tin, PTTT, TDTT				
	<i>(Chi tiết từng lĩnh vực)</i>				
7.	Sự nghiệp đảm bảo xã hội				
	<i>(Chi tiết từng lĩnh vực)</i>				
8.	Quản lý hành chính, đảng, đoàn thể				
9.	Trợ giá				
10.	Chi khác				
				
II	Chi chương trình mục tiêu, dự án quốc gia				
	<i>(Chi tiết từng chương trình, dự án quốc gia)</i>				

II - Thuyết minh:

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao: (kinh phí năm trước chuyển sang, dự toán hủy bỏ không thực hiện, chi sai chế độ phải xuất toán,...)

...

2. Những công việc phát sinh đột xuất trong năm:.....

3. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ cơ bản:

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ và tên)

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

4. Thủ tục Thẩm định và quyết toán chi vốn xây dựng cơ bản hàng năm

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Đầu tư sửa chữa - Sở Tài chính (142 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần), không có giấy biên nhận.

* Bước 3: Thời gian lập và nộp báo cáo quyết toán:

+ Đối với các Sở, ngành thành phố: duyệt báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc, tổng hợp và lập báo cáo quyết toán ngân sách năm gửi Sở Tài chính chậm nhất là ngày 30 tháng 4 năm 2009.

+ Đối với Ủy ban nhân dân các quận, huyện: thẩm định quyết toán thu chi ngân sách phường, xã, thị trấn, duyệt báo cáo quyết toán các đơn vị trực thuộc tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm gửi Sở Tài chính chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2009.

* Bước 4: Sau khi nhận đủ báo cáo quyết toán của các Sở, ngành thành phố, quận-huyện, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản năm gửi Bộ Tài chính và ra thông báo thẩm tra quyết toán gửi đơn vị có nhu cầu qua đường bưu điện.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ:

Báo cáo quyết toán lập theo các biểu mẫu quy định tại Phụ lục 06 (gồm các biểu 41, biểu 43, biểu 45, biểu 49, biểu 53) Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài Chính.

* Quyết toán chi ngân sách địa phương năm (Biểu số 41)

* Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh, ngân sách huyện năm..... (Biểu số 43)

* Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, một số mục tiêu nhiệm vụ khác năm..... (Biểu số 45)

* Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, đơn vị theo từng lĩnh vực năm... (Biểu số 49)

* Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách đầu tư năm..... (Biểu số 53)

b) Số lượng hồ sơ: 1 bộ.

- *Thời hạn giải quyết*: Không quy định

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài chính.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Thông báo

- *Lệ phí* (nếu có): không có.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

* Quyết toán chi ngân sách địa phương năm (Biểu số 41)

* Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh, ngân sách huyện năm..... (Biểu số 43)

* Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, một số mục tiêu nhiệm vụ khác năm..... (Biểu số 45)

* Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, đơn vị theo từng lĩnh vực năm.... (Biểu số 49)

* Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách đầu tư năm..... (Biểu số 53)

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính* (nếu có): không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

* Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp.

* Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính

hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm”.

* Công văn số 921/UBND-TM ngày 10 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện báo cáo quyết toán ngân sách năm 2008, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2009.

Tỉnh, thành phố.....

Phụ lục số 6 - Biểu 41

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM
(dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính)

đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm ...			Quyết toán năm...			So sánh (%) Quyết toán/Dự toán			
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		
			NS cấp tỉnh	NS huyện		NS cấp tỉnh	NS huyện		NS cấp tỉnh	NS huyện	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
I	Tổng số chi ngân sách										
	Chi đầu tư phát triển										
	<i>Trong đó:</i>										
	1	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề									
	2	Chi khoa học và công nghệ									
II	Chi thường xuyên										
	<i>Trong đó:</i>										
	1	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề									
2	Chi khoa học và công nghệ										
III	Chi trả nợ gốc và lãi các khoản tiền huy động cho đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN										
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính										
V	Dự phòng										
VI	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau										

..., ngày ...tháng...năm...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh (thành phố):

Phụ lục số 6 - Biểu số 43

QUYẾT TOÁN CHI NSDP, CHI NS CẤP TỈNH, NS HUYỆN NĂM
(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Quyết toán năm			So sánh QT/DT (%)		
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
			NS cấp tỉnh	NS huyện		NS cấp tỉnh	NS huyện		NS cấp tỉnh	NS huyện
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số chi ngân sách									
I	Chi đầu tư phát triển									
	<i>Trong đó</i>									
1	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề									
2	Chi khoa học và công nghệ									
3	Chi hỗ trợ doanh nghiệp									
II	Chi trả nợ vốn huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN									
III	Chi thường xuyên									
	<i>Trong đó</i>									
1	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề									
2	Chi khoa học và công nghệ									
IV	Dự phòng									
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
VI	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau									
B	Các khoản chi từ nguồn thu tại xã,...quản lý qua ngân sách nhà nước									
	Tổng số (A + B)									

....., ngàythángnăm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NS CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM
(Dùng cho ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh)

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Quyết toán năm			So sánh QT/DT (%)		
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
			NS cấp tỉnh	NS huyện		NS cấp tỉnh	NS huyện		NS cấp tỉnh	NS huyện
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số chi ngân sách									
I	<u>Chi đầu tư phát triển</u>									
	<u>Trong đó</u>									
1	<u>Chi Giáo dục - Đào tạo</u>									
2	Chi khoa học và công nghệ									
II	Chi trả nợ huy động đầu tư									
III	Chi thường xuyên									
	Trong đó									
1	<u>Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề</u>									
2	Chi khoa học và công nghệ									
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
V	Dự phòng									
B	Các khoản chi từ nguồn thu tại xã,... quản lý qua ngân sách nhà nước									
	Tổng số (A+B)									

Tỉnh (thành phố):

Phụ lục số 6 - Biểu số 45

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KHÁC NĂM

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm	Chia ra						Quyết toán năm	Chia ra					
			Cấp huyện thực hiện			Huyện thực hiện				Cấp tỉnh thực hiện			Huyện thực hiện		
			Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn NS	Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn NS		Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn NS	Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn NS
A	B	1=2+5	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14
	Tổng số														
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia														
1	Chương trình xóa đói giảm nghèo và việc làm														
2	Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường														
3	Chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình														
4	Chương trình phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS														
5	Chương trình văn hóa														
6	Chương trình giáo dục đào tạo														
II	Chương trình 135														
	Trong đó: đầu tư cơ sở hạ tầng các xã 135														
III	Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng														
IV	Một số mục tiêu, nhiệm vụ khác														
1	Nhiệm vụ A														
2	Nhiệm vụ B														

....., ngàythángnăm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh (thành phố).....

Phụ lục số 6 - Biểu số 49

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM.....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm											Quyết toán năm ... (Chi tiết như phần dự toán năm ...)			
		Tổng chi (Kê cả chi bằng nguồn huy động, động viên)	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên (theo lĩnh vực)		Chi CTMT quốc gia	Chương trình 135		Dự án 5 triệu ha rừng	Chi thực hiện một số nhiệm vụ, mục tiêu khác	
			Tổng số	Tr.đó: Chi đầu tư XDCB		Trong đó		Tổng số	Gồm							
				Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Giáo dục đào tạo và dạy nghề		Khoa học công nghệ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng số															
I	Các cơ quan đơn vị của tỉnh															
1	Văn phòng Tỉnh Ủy															
2	UBND tỉnh															
3	Sở Giáo dục - Đào tạo															
4	...															
II	Chi hỗ trợ các tổ chức XH & XH nghề nghiệp															
III	Chi hỗ trợ DN và các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của nhà nước															
IV	Chi một số nhiệm vụ khác theo chế độ															
V	Dự phòng NS cấp tỉnh															

..., ngày ... tháng ... năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh:

Phụ lục số 6 - Biểu số 53

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ NĂM HIỆN HÀNH VÀ DỰ TOÁN NĂM ...

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trình HĐND cùng cấp và báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Kế hoạch năm ...					Quyết toán năm ...				
							Tổng số	Tr.đó: Thanh toán khối lượng các năm trước chuyên sang 200...	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Tr.đó: Thanh toán khối lượng các năm trước chuyên sang 200...	Chia theo nguồn vốn		
									Vốn trong nước	Tr.đó: H.động theo K3-Đ8 Luật NSNN (1)	Vốn nước ngoài			Vốn trong nước	Tr.đó: H.động theo K3-Đ8 Luật NSNN (1)	Vốn nước ngoài
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A/Chuyển tiếp																
I/Ngành...																
1./ Dự án nhóm A																
a. Dự án A																
b. Dự án B																
....																
2./ Dự án nhóm B																
a. Dự án A																
b. Dự án B																
....																
B/Khởi công mới																
I/Ngành...																
1./ Dự án nhóm A																
a. Dự án A																
b. Dự án B																
....																
2./ Dự án nhóm B																
a. Dự án A																
b. Dự án B																
....																

Ghi chú" (1) Đối với cấp huyện không có chỉ tiêu này

....., ngàythángnăm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

5. Thủ tục Lập quyết toán ngân sách nhà nước

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1:

+ Kho bạc Nhà nước thành phố cung cấp số liệu thu, chi cho Phòng Tin học tiến hành xử lý, chắt lọc lại và chuyển số liệu đã được xử lý về thẩm kế Phòng Quản lý Ngân sách.

+ Sau khi đi thẩm tra quyết toán, các Phòng Hành chính sự nghiệp, Đầu tư sửa chữa, Quản lý ngân sách quận, huyện, phường, xã, Công sản, Chi cục Tài chính doanh nghiệp chuyển số tổng hợp số quyết toán của các đơn vị theo biểu mẫu quy định của Bộ Tài chính cho thẩm kế Phòng Quản lý Ngân sách.

* Bước 2: Thẩm kế tiến hành kiểm tra chéo số liệu

* Bước 3: Thẩm kế xử lý và tổng hợp số liệu

* Bước 4: Trưởng, Phó phòng phụ trách kiểm tra và thuyết minh số liệu quyết toán thu, chi ngân sách

* Bước 5: Trình báo cáo quyết toán và thuyết minh cho Ban Giám đốc phê duyệt.

* Bước 6: Chuyển cho Kho bạc Nhà nước thành phố kiểm tra và ký xác nhận số liệu báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách

* Bước 7: Trình báo cáo quyết toán thu, chi cho Ủy ban nhân dân thành phố xem xét trình Hội đồng nhân dân thành phố.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ:

+ Quyết toán thu ngân sách nhà nước năm (Biểu số 01)

+ Cân đối ngân sách địa phương năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 02)

+ Quyết toán ngân sách địa phương năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 35)

+ Quyết toán ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp) (Biểu số 37)

+ Quyết toán thu ngân sách theo sắc thuế năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 39)

+ Quyết toán chi NSDP, chi NS cấp tỉnh, NS huyện năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 43)

+ Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, một số mục tiêu nhiệm vụ khác năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 45)

+ Quyết toán chi đầu tư XDCB các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách đầu tư năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 53)

+ Quyết toán huy động đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật NSNN năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 54)

+ Quyết toán chi chương trình mục tiêu theo mục lục ngân sách nhà nước năm ... (Dùng cho Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 06)

+ Quyết toán chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước năm(Dùng cho Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 07)

+ Thuyết minh tăng, giảm chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể năm ..(Dùng cho Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 08)

+ Thuyết minh tình hình sử dụng nguồn dự phòng, tăng thu và thưởng vượt dự toán thu của ngân sách địa phương năm(Dùng cho Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 10)

+ Báo cáo tình hình kiểm toán, thanh tra năm(Dùng cho Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 11)

b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ.

- *Thời hạn giải quyết*: Hạn chót nộp hồ sơ cho Bộ Tài chính ngày 01 tháng 10 hàng năm

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài chính.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Kho bạc Nhà nước thành phố; các Sở, ngành, quận, huyện khác có liên quan.

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Báo cáo quyết toán cho Bộ Tài chính, Báo cáo quyết toán cho Hội đồng nhân dân.

- *Lệ phí* (nếu có): không có.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

* Quyết toán thu ngân sách nhà nước năm (Biểu số 01)

* Cân đối ngân sách địa phương năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 02)

* Quyết toán ngân sách địa phương năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 35)

* Quyết toán ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp) (Biểu số 37)

* Quyết toán thu ngân sách theo sắc thuế năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 39)

* Quyết toán chi NSDP, chi NS cấp tỉnh, NS huyện năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 43)

* Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, một số mục tiêu nhiệm vụ khác năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 45)

* Quyết toán chi đầu tư XD CB các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách đầu tư năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).(Biểu số 53)

* Quyết toán huy động đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật NSNN năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính).(Biểu số 54)

* Quyết toán chi chương trình mục tiêu theo mục lục ngân sách nhà nước năm ... (Dùng cho Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 06)

* Quyết toán chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước năm (Dùng cho Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 07)

* Thuyết minh tăng, giảm chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể năm ..(Dùng cho Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 08)

* Thuyết minh tình hình sử dụng nguồn dự phòng, tăng thu và thưởng vượt dự toán thu của ngân sách địa phương năm(Dùng cho Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 10)

* Báo cáo tình hình kiểm toán, thanh tra năm(Dùng cho Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 11)

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính* (nếu có): không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

* Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

* Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao chỉ tiêu dự toán ngân sách hàng năm;

* Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao chỉ tiêu dự toán ngân sách hàng năm;

* Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

* Thông tư số 101/2005/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm;

* Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách hàng năm;

* Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về quyết toán hàng năm.

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM
(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	Bao gồm				So sánh (%)	
		Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định
A	B	1	2	$\frac{3=4+5+6+7}{7}$	4	5	6	7	8=3/1	9=3/2
	TỔNG THU NSNN (A+B)									
	(không kể thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách và tín phiếu, trái phiếu của NSTW)									
A	TỔNG CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NSNN									
I	Thu từ SXKD trong nước									
1	Thu từ DNNN trung ương									
1.1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất KD trong nước <i>Tr.đó: Thu từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí</i>									
1.2	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SX trong nước									
1.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Tr.đó: - Từ các đơn vị HT toàn ngành - Từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí - Từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất và chuyển quyền thuê đất</i>									
1.4	Thu nhập sau thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Tr.đó: - Từ các đơn vị HT toàn ngành - Từ quảng cáo TH - Từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí</i>									
1.5	Thuế tài nguyên <i>Tr.đó: Khí đồng hành</i>									
1.6	Thuế môn bài									
1.7	Thu sử dụng vốn ngân sách									
1.8	Thu khác									
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương									
2.1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất KD trong nước									
2.2	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SX trong nước									
2.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Tr.đó: - Từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất và chuyển quyền thuê đất</i>									
2.4	Thu nhập sau thuế thu nhập doanh nghiệp									

3.11	Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản									
3.12	Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến sản xuất, kinh doanh									
3.13	Lệ phí quản lý nhà nước trong các lĩnh vực khác									
3.14	Các khoản huy động theo quyết định của Nhà nước									
3.15	Các khoản đóng góp									
3.16	Phát hành trái phiếu đô thị năm 2003 đã ủy thác cho Quỹ đầu tư Đô thị theo kết luận Kiểm toán NS năm 2006									
3.17	Thu khác									
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN									
1	Bổ sung cân đối									
2	Bổ sung có mục tiêu									
2.1	<i>BS có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước</i>									
2.2	<i>BS có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước</i>									
D	THU TỪ NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NỘP LÊN									
E	THU TÍN PHIẾU, TRÁI PHIẾU CỦA NSTW									
	TỔNG SỐ (A đến E)									

Ngày tháng ... năm
Giám đốc KBNN tỉnh (TP)
(Ký tên và đóng dấu)

Ngày tháng ... năm
Giám đốc Sở Tài chính
(Ký tên và đóng dấu)

..., ngày ... tháng ... năm ...
TM.UBND tỉnh (TP)
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

PHẦN THU	Tổng cộng	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS cấp xã	PHẦN CHI	Tổng cộng	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS cấp xã
1		2	3	4	5		6	7	8
Tổng số thu					Tổng số chi				
A. Tổng thu cân đối ngân sách					A. Tổng chi cân đối ngân sách				
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%					1. Chi đầu tư phát triển				
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ					- Chi đầu tư XD CB				
3. Thu tiền huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN					Trong đó: chi từ nguồn vốn huy động				
					- Chi hỗ trợ các quỹ				
					- Chi hỗ trợ vốn cho các DNNN				
4. Thu từ quỹ dự trữ tài chính					2. Chi trả nợ gốc, lãi tiền huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN				
5. Thu kết dư năm trước					3. Chi thường xuyên				
6. Thu chuyển nguồn thu năm trước sang					4. Chi một số chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác, trong đó				
7. Thu viện trợ					- Vốn trong nước				
8. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					- Vốn đầu tư ngoài nước				
- Bổ sung cân đối ngân sách					5. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
- Bổ sung có mục tiêu					6. Chi chuyển nguồn				
9. Thu NS cấp dưới nộp lên					7. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới				
Kết dư ngân sách (trong cân đối)					8. Chi nộp lên ngân sách cấp trên				
B. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN					B. Chi bằng nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN				

TP.HCM, ngày tháng năm 2008
Giám đốc KBNN TP.HCM

TP.HCM, ngày tháng năm 2008
Giám đốc Sở Tài chính

TP.HCM, ngày tháng năm 2008
TM.UBND TP HCM

UBND thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục số 6 - Biểu 35

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2007

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 20		Quyết toán năm 20...	So sánh	
		Trung ương giao	HĐND quyết định		QT/DT TW giao	QT/DT HĐND quyết định
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn (<i>Tổng thu không kể thu chuyên giao giữa các cấp ngân sách, trái phiếu, tín phiếu, thu kết dư NS, thu BS và vay</i>)					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ không hoàn lại					
B	Thu ngân sách địa phương					
1	Thu NS địa phương hưởng theo phân cấp					
1.1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					
1.2	Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ (%)					
2	Bổ sung từ NSTW					
*	Bổ sung cân đối					
*	Bổ sung có mục tiêu					
	<i>Trong đó: Vốn XDCCB ngoài nước</i>					
3	Thu chuyển nguồn NS năm trước					
4	Thu huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN					
5	Vay trái phiếu đô thị và kho bạc					
6	Thu kết dư					
7	Thu viện trợ không hoàn lại					
C	Chi ngân sách địa phương					
	<i>(Không kể chi trợ cấp NS cấp dưới và chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN)</i>					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên					
3	Dự phòng					
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương					
5	Chi trả nợ (cả gốc và lãi) các khoản tiền huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Chi chuyển nguồn NS năm sau					
8	Chi CTMTQG và NV khác (vốn NN)					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					

TP.HCM, ngày tháng năm 2008

TM UBND TP.HCM

UBND Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục số 6 - Biểu 37

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 20...

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2007	Quyết toán năm 2007	So sánh QT/DT
A	B	1	2	3=2/1
A	Ngân sách cấp tỉnh			
I/	Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh			
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
	- Các khoản thu NS cấp tỉnh hưởng 100%			
	- Các khoản thu NS cấp tỉnh hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)			
2	Bổ sung từ NSTW			
*	Bổ sung cân đối			
*	Bổ sung có mục tiêu			
	Trong đó: Vốn XDCC ngoài nước			
3	Huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN			
4	Thu chuyển nguồn từ NS năm trước			
5	Vay trái phiếu đô thị và kho bạc			
6	Thu kết dư			
7	Thu viện trợ không hoàn lại			
8	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước			
II	Chi ngân sách cấp tỉnh			
1	Chi thuộc nhiệm vụ của NS cấp tỉnh theo phân cấp (không kể bổ sung cho NSDP cấp dưới trực tiếp)			
2	Bổ sung cho ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh			
	- Bổ sung cân đối			
	- Bổ sung có mục tiêu			
	Trong đó: Vốn XDCC ngoài nước			
B	Ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh			
I/	Nguồn thu ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh			
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp			
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%			
	- Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh			
	- Bổ sung cân đối			
	- Bổ sung có mục tiêu			
	Trong đó: Vốn XDCC ngoài nước			
3	Thu từ NS cấp dưới nộp lên			
4	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước			
5	Thu viện trợ không hoàn lại			
6	Thu kết dư			
7	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách NN			
II	Chi ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh			
	(Không kể chi bổ sung NS cấp dưới, chi nộp NS cấp trên và chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN)			

TP.HCM, ngàythángnăm 2008

TM UBND TP.HCM

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH THEO SẮC THUẾ NĂM 20

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính)

Nội dung	Dự toán năm 2007					Quyết toán năm 2007					So sánh QT/DT (%)				
	Tổng số	Khu vực DNNN	Khu vực ĐTNN	Khu vực CTNNQD	Các khoản thu khác	Tổng số	Khu vực DNNN	Khu vực ĐTNN	Khu vực CTNNQD	Các khoản thu khác	Tổng số	Khu vực DNNN	Khu vực ĐTNN	Khu vực CTNNQD	Các khoản thu khác
A. Thu NSNN trên địa bàn															
I. Các khoản thu từ thuế															
1/ Thuế VAT															
a. Thuế VAT hàng sản xuất trong nước															
b. Thuế VAT hàng nhập khẩu															
2/ Thuế TTĐB hàng sản xuất trong nước															
3/ Thuế môn bài															
4/ Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, TTĐB hàng NK															
5/ Thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu															
6/ Thuế thu nhập doanh nghiệp															
7/ Thu nhập sau thuế thu nhập doanh nghiệp															
8/ Thuế chuyên thu nhập ra nước ngoài															
9/ Thuế tài nguyên															
10/ Thuế thu nhập cá nhân															
11/ Thuế sử dụng đất nông nghiệp															
12/ Thuế nhà đất															
13/ Thuế chuyển quyền sử dụng đất															
14/ Thu sự nghiệp															
15/ Thu sử dụng vốn															
16/ Thu hồi vốn, thu khác															
II- Các khoản phí, lệ phí															
17/ Lệ phí trước bạ															

Nội dung	Dự toán năm 2007					Quyết toán năm 2007					So sánh QT/DT (%)				
	Tổng số	Khu vực DNNN	Khu vực ĐTNN	Khu vực CTNNQD	Các khoản thu khác	Tổng số	Khu vực DNNN	Khu vực ĐTNN	Khu vực CTNNQD	Các khoản thu khác	Tổng số	Khu vực DNNN	Khu vực ĐTNN	Khu vực CTNNQD	Các khoản thu khác
18/ Phí xăng dầu															
19/ Các loại phí, lệ phí															
III. Các khoản thu khác còn lại															
20/ Thu tiền thuê đất, mặt đất, mặt nước															
21/ Thu tiền sử dụng đất và giao đất trồng rừng															
22/ Thu cho thuê và bán nhà thuộc SHNN															
23/ Thu quỹ đất công ích, hoa lợi, công sản ... của ngân sách															
24/ Thu về khí thiên nhiên															
25/ Thu từ dầu thô															
26/ Thu khác															
IV- Thu viện trợ không hoàn lại															
V- Các khoản thu quản lý qua NS															
<i>Trong đó: Thu Xổ số kiến thiết</i>															
B. Thu kết dư ngân sách															
C- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp															

TP.HCM, ngàythángnăm 2008

TM. UBND TP.HCM

Tỉnh (thành phố):

Phục lục số 6 - Biểu số 43

QUYẾT TOÁN CHI NSDP, CHI NS CẤP TỈNH, NS HUYỆN NĂM
(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Sở TC-VG)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Quyết toán năm			So sánh QT/DT (%)		
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
			NS cấp tỉnh	NS huyện		NS cấp tỉnh	NS huyện		NS cấp tỉnh	NS huyện
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng chi ngân sách									
I	Chi đầu tư phát triển									
	<i>Trong đó</i>									
1	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề									
2	Chi khoa học và công nghệ									
II	Chi trả nợ vốn huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN									
III	Chi thường xuyên									
	<i>Trong đó</i>									
1	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề									
2	Chi khoa học và công nghệ									
IV	Dự phòng									
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
VI	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau									

....., ngàythángnăm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh (thành phố):

Phụ lục số 6 - Biểu số 45

**QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA,
CHƯƠNG TRÌNH 135, DỰ ÁN TRỒNG MỚI 5 TRIỆU HA RỪNG, MỘT SỐ MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KHÁC NĂM**

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm	Chia ra						Quyết toán năm	Chia ra					
			Cấp tỉnh thực hiện			Huyện thực hiện				Cấp tỉnh thực hiện			Huyện thực hiện		
			Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn NS	Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn NS		Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn NS	Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn NS
A	B	1=2+5	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14
	<u>Tổng số</u>														
I	<u>Chi chương trình mục tiêu quốc gia</u>														
1	Chương trình xóa đói giảm nghèo và việc làm														
2	Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường														
3	Chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình														
4	Chương trình phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS														
5	Chương trình văn hóa														
6	Chương trình giáo dục đào tạo														
II	<u>Chương trình 135</u>														
	Trong đó: đầu tư cơ sở hạ tầng các xã 135														
III	<u>Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng</u>														

IV	<u>Một số mục tiêu, nhiệm vụ khác</u>														
1	<u>Nhiệm vụ A</u>														
2	<u>Nhiệm vụ B</u>														
3	...														

....., ngàythángnăm

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tỉnh (huyện):

Phụ lục số 6 - Biểu số 53

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ NĂM HIỆN HÀNH VÀ DỰ TOÁN NĂM ...

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trình HĐND cùng cấp và báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến	Đã thanh toán từ khởi công đến	Kế hoạch năm ...					Quyết toán năm ...				
							Tổng số	Tr.đó: Thanh toán khối lượng các năm trước chuyên sang 200...	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Tr.đó: Thanh toán khối lượng các năm trước chuyên sang 200...	Chia theo nguồn vốn		
									Vốn trong nước	Tr.đó: H.động theo K3-Đ8 Luật NSNN (1)	Vốn nước ngoài			Vốn trong nước	Tr.đó: H.động theo K3-Đ8 Luật NSNN (1)	Vốn nước ngoài
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A/Chuyên tiếp																
I/Ngành...																
1./ Dự án nhóm A																
a. Dự án A																
b. Dự án B																
....																
2./ Dự án nhóm B																
a. Dự án A																
b. Dự án B																
....																
B/Khởi công mới																
I/Ngành...																
1./ Dự án nhóm A																
a. Dự án A																
b. Dự án B																
....																
2./ Dự án nhóm B																
a. Dự án A																
b. Dự án B																
....																

Ghi chú: (1) Đối với cấp huyện không có chỉ tiêu này

....., ngàythángnăm
TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
 (Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số 6 - Biểu số 54

QUYẾT TOÁN HUY ĐỘNG ĐẦU TƯ
THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 8 LUẬT NSNN NĂM
(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Quyết toán năm	Ghi chú
A	B	1	2	3
1	Vốn đầu tư XDCB trong nước của NS tỉnh (không kể vốn đầu tư bổ sung theo mục tiêu không có tính chất ổn định thường xuyên từ ngân sách Trung ương cho ngân sách cấp tỉnh)			
2	- Mức tối đa được huy động theo chế độ			
3	Tổng dư nợ huy động đến thời điểm báo cáo			
	Gồm:			
	- Trái phiếu công trình			
	...			
4	Số trả nợ vốn huy động trong năm (cả gốc và lãi)			
	Gồm:			
	- Trả trái phiếu công trình			
	...			
5	Dự kiến mức vốn huy động			
	Gồm:			
	- Trái phiếu công trình			
	- ...			

....., ngàythángnăm

TM ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

**QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THEO MỤC
LỤC NSNN NĂM**

(Dùng cho Sở Tài chính - Vật giá báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Đồng

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)						

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN TỈNH (TP)
(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG NS
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ
(Ký tên và đóng dấu)

UBND tỉnh, TP
Sở Tài chính - Vật giá

Phụ lục số 8 - Biểu số 07

Quyết toán chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN năm
(Dùng cho Sở Tài chính – Vật giá báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số		Trong đó					
	Chi đầu tư XDCB	Chi TX	Chi ngành giáo dục		Chi ngành y tế		...	
			Chi đầu tư XDCB	Chi TX	Chi đầu tư XDCB	Chi TX
1	2	3	4	5	6	7	8	...
Tổng số								
- Chi từ nguồn huy động đóng góp XDCS hạ tầng								
- Chi từ nguồn huy động đóng góp khác								
-...								
-...								
...								

TRƯỞNG PHÒNG NGÂN SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ
(Ký tên và đóng dấu)

UBND tỉnh, TP

Phụ lục số 8 - Biểu số 08

Sở Tài chính - Vật giá

**THUYẾT MINH TĂNG, GIẢM CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ
NĂM***(Dùng cho Sở Tài chính - Vật giá báo cáo Bộ Tài chính)*

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
		NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	
1	2=3+4+5	3	4	5	6
Số quyết toán chi tăng, giảm so với dự toán					
1/ Do chính sách thay đổi					
- Phụ cấp đặc biệt					
- Phụ cấp khu vực					
...					
2/ Nhiệm vụ chi đột xuất được bổ sung					
...					
...					
3/ Tăng, giảm biên chế so với dự toán					
- Số biên chế tăng, giảm					
- Số kinh phí tăng, giảm					
4/ Mua sắm tài sản					
Trong đó: - Số ô tô					
- Số kinh phí					
5/ Sửa chữa trụ sở làm việc					
...					

Ghi chú: Trường hợp (giảm) thì ghi số âm (có dấu trừ ở trước)

TRƯỞNG PHÒNG NGÂN SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ
(Ký tên và đóng dấu)

UBND tỉnh, TP

Phụ lục số 8 - Biểu số 10

Sở Tài chính - Vật giá

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG,
TĂNG THU VÀ THƯỜNG VƯỢT DỰ TOÁN THU CỦA NSDP NĂM***(Dùng cho Sở Tài chính - Vật giá báo cáo Bộ Tài chính)*

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
		Dự phòng	Tăng thu	Thường vượt dự toán thu	
A/ Tổng nguồn					
B/ Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSDP					
I/ Chi đầu tư XD CB					
II/ Chi đầu tư và hỗ trợ vốn doanh nghiệp					
III/ Chi thường xuyên					
1/ Chi sự nghiệp kinh tế					
2/ Chi giáo dục					
3/ Chi y tế					
4/ Chi đảm bảo xã hội					
.....					

TRƯỞNG PHÒNG NGÂN SÁCH*(Ký, ghi rõ họ tên)*

..... ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ*(Ký tên và đóng dấu)*

UBND tỉnh, thành phố
Sở Tài chính - Vật giá

Phụ lục số 8 - Biểu 11

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TOÁN, THANH TRA NĂM
(Dùng cho Sở Tài chính - Vật giá báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm		Số tồn tại chưa xử lý		Ghi chú
		Thanh Tra	Kiểm toán	Thanh Tra	Kiểm toán	Thanh Tra	Kiểm toán	
I	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra các năm trước còn tồn tại chưa xử lý							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách <i>Chi tiết :</i>							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách <i>Chi tiết :</i>							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách: <i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i> <i>- Chi thường xuyên</i>							
b	Cơ quan tài chính giám trừ cấp phát <i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i> <i>- Chi thường xuyên</i>							
4	Bổ sung quyết toán ngân sách năm nay <i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i> <i>- Chi thường xuyên</i>							
II	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, năm nay							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách <i>Chi tiết :</i>							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách <i>Chi tiết :</i>							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách: <i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i> <i>- Chi thường xuyên</i>							
b	Cơ quan tài chính giám trừ cấp phát <i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i> <i>- Chi thường xuyên</i>							
4	Chuyển quyết toán ngân sách năm nay <i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i> <i>- Chi thường xuyên</i>							
III	Các vấn đề khác liên quan cần giải trình							
							

TRƯỞNG PHÒNG NGÂN SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm ...
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ
(Ký tên và đóng dấu)

6. Thủ tục Lập dự toán ngân sách nhà nước

- *Trình tự thực hiện:*

Lập dự toán - Các đơn vị Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện báo cáo đánh giá tình hình thực hiện ngân sách năm hiện hành và kế hoạch năm sau, nộp hồ sơ cho Sở Tài chính (số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần.

Sở Tài chính phối hợp với Cục Thuế, Cục Hải quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để làm việc với Bộ Tài chính về dự toán ngân sách của thành phố

Căn cứ quyết định giao dự toán thu chi ngân sách thành phố của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính, Sở Tài chính phối hợp với Cục Thuế, Cục Hải quan tổng hợp dự toán thu chi ngân sách hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ:

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện năm hiện hành và kế hoạch năm sau của các đơn vị Sở, ngành, quận, huyện, số liệu thống kê, các quy định chính sách, chế độ của Trung ương và thành phố:

15 biểu mẫu theo quy định: Phụ lục 6 - Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

* Cân đối ngân sách địa phương năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 02)

* Biểu tổng hợp dự toán thu NSNN năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 06)

* Đánh giá thực hiện thu ngân sách theo sắc thuế năm hiện hành và dự toán năm.. (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 07)

* Biểu tổng hợp dự toán chi NSDP năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 10)

* Đánh giá chi đầu tư XDCB các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách đầu tư năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND cấp tỉnh, cấp huyện trình HĐND cùng cấp và báo cáo cơ quan tài chính cấp trên) (Biểu số 12)

* Kế hoạch huy động đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật NSNN năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 13)

* Đánh giá tình hình thực hiện chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, một số mục tiêu nhiệm vụ khác năm hiện hành và dự toán năm (dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 14)

* Tổng hợp dự toán chi trợ giá, trợ cước vận chuyển các mặt hàng chính sách miền núi năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 16)

* Cơ sở tính chi sự nghiệp giáo dục năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 17)

* Cơ sở tính chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 18)

* Cơ sở tính chi sự nghiệp Y tế năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 19)

* Cơ sở tính chi quản lý hành chính năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 20)

* Tổng hợp biên chế - tiền lương năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 21)

* Tổng hợp dự toán các khoản phí và lệ phí năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 22)

* Đánh giá tình hình thực hiện chi NSĐP năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 23)

09 biểu mẫu theo quy định: Thông tư số 127/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2010:

* Tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2010 và giai đoạn 2011 - 2015 (Biểu số 1)

* Thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 (*Biểu số 3*)

* Tổng hợp số thuế được miễn, giảm, gia hạn năm 2009 theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 58/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (*Biểu số 3a*)

* Tổng hợp nhu cầu vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2010 để thực hiện các dự án, nhiệm vụ quan trọng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*Biểu số 5*)

* Tình hình huy động vốn đầu tư phát triển theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước, dư nợ ngân sách địa phương giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 (*Biểu số 6*)

* Tổng hợp vốn huy động đầu tư xã hội giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 (*Biểu số 7*)

* Tổng hợp vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2009 và năm 2010 (*Biểu số 8*)

* Báo cáo kết quả phân bổ, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng năm 2009 và dự toán năm 2010 (*Biểu số 9*)

* Báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán vốn đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW để thực hiện chương trình, dự án, nhiệm vụ quan trọng năm 2009 và dự toán năm 2010 (*Biểu số 10*)

b) Số lượng hồ sơ: 1 bộ.

- *Thời hạn giải quyết*: Trước ngày 10/12 hàng năm phải thực hiện giao xong dự toán ngân sách cho các đơn vị cấp I và ngân sách quận, huyện. Thời hạn nộp các báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân thành phố

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các Sở, ngành có liên quan và 24 quận, huyện.

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tài chính và Hội đồng nhân dân thành phố.

- *Lệ phí* (nếu có): không có.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

15 biểu mẫu theo quy định: Phụ lục 6 - Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

* Cân đối ngân sách địa phương năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 02)

* Biểu tổng hợp dự toán thu NSNN năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 06)

* Đánh giá thực hiện thu ngân sách theo sắc thuế năm hiện hành và dự toán năm.... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 07)

* Biểu tổng hợp dự toán chi NSDP năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 10)

* Đánh giá chi đầu tư XDCB các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách đầu tư năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND cấp tỉnh, cấp huyện trình HĐND cùng cấp và báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên) (Biểu số 12)

* Kế hoạch huy động đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật NSNN năm..... (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 13)

* Đánh giá tình hình thực hiện chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, một số mục tiêu nhiệm vụ khác năm hiện hành và dự toán năm (dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 14)

* Tổng hợp dự toán chi trợ giá, trợ cước vận chuyển các mặt hàng chính sách miền núi năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 16)

* Cơ sở tính chi sự nghiệp giáo dục năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 17)

* Cơ sở tính chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 18)

* Cơ sở tính chi sự nghiệp Y tế năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 19)

* Cơ sở tính chi quản lý hành chính năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 20)

* Tổng hợp biên chế - tiền lương năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 21)

* Tổng hợp dự toán các khoản phí và lệ phí năm (Dùng cho Sở TC - VG báo cáo UBND và Bộ Tài chính) (Biểu số 22)

* Đánh giá tình hình thực hiện chi NSDP năm hiện hành và dự toán năm (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính) (Biểu số 23)

09 biểu mẫu theo quy định: Thông tư số 127/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2010

* Tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2010 và giai đoạn 2011 - 2015 (Biểu số 1)

* Thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 (Biểu số 3)

* Tổng hợp số thuế được miễn, giảm, gia hạn năm 2009 theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 58/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (Biểu số 3a)

* Tổng hợp nhu cầu vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2010 để thực hiện các dự án, nhiệm vụ quan trọng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Biểu số 5)

* Tình hình huy động vốn đầu tư phát triển theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước, dư nợ ngân sách địa phương giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 (Biểu số 6)

* Tổng hợp vốn huy động đầu tư xã hội giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 (Biểu số 7)

* Tổng hợp vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2009 và năm 2010 (Biểu số 8)

* Báo cáo kết quả phân bổ, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng năm 2009 và dự toán năm 2010 (*Biểu số 9*)

* Báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán vốn đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW để thực hiện chương trình, dự án, nhiệm vụ quan trọng năm 2009 và dự toán năm 2010 (*Biểu số 10*)

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

* Luật Ngân sách nhà nước năm 2002.

* Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao chỉ tiêu dự toán ngân sách hàng năm

* Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội và dự toán ngân sách hàng năm

* Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao chỉ tiêu dự toán ngân sách hàng năm.

* Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003.

* Thông tư số 127/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2010.

* Các Thông tư, công văn của các Bộ hướng dẫn lập dự toán trong từng lĩnh vực.

* Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán và phân bổ dự toán hàng năm.

* Chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố về xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội và dự toán ngân sách hàng năm.

* Các văn bản liên quan quy định về chính sách, chế độ.

Thành phố Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC SỐ 6 - BIỂU 02

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2007	Dự toán năm 2008	Ước thực hiện năm 2008	Dự toán năm 2009
A	B	1	2	3	4
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn				
	Tổng thu NSNN trên địa bàn (trừ GTGC)				
	Trong đó				
1	Thu nội địa (không kể từ dầu thô)				
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ khí thiên nhiên				
4	Thu từ xuất nhập khẩu				
B	Thu NS địa phương				
1	Thu NS địa phương hưởng theo phân cấp				
	- Các khoản NSDP hưởng 100%				
	- Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)				
2	Bổ sung từ NSTW				
3	Vay kho bạc nhà nước, vay khác				
4	Thu kết dư				
5	Thu chuyển nguồn NS năm trước				
6	Thu NS cấp dưới nộp lên				
7	Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN				
C	Chi ngân sách địa phương				
1	Chi đầu tư phát triển				
	- Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung				
	- Chi trả vốn và lãi vay các khoản huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN				
2	Chi thường xuyên				
3	Bổ sung chênh lệch tăng lương				
4	Dự phòng				
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
6	Chi từ nguồn bổ sung của NSTW				
7	Chi quản lý qua ngân sách				

NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2007					DỰ TOÁN 2008					ƯỚC THỰC HIỆN 2008					DỰ TOÁN 2009					SO SÁNH DT 2009/UTH2008					
	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNN	KHU VỰC ĐTN	KHU VỰC CTNNQD	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNN	KHU VỰC ĐTN	KHU VỰC CTNNQD	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNN	KHU VỰC ĐTN	KHU VỰC CTNNQD	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNN	KHU VỰC ĐTN	KHU VỰC CTNNQD	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNN	KHU VỰC ĐTN	KHU VỰC CTNNQD	KHU VỰC KHÁC	
A. Thu NSNN trên địa bàn																										
I. Các khoản thu từ thuế																										
1/ Thuế giá trị gia tăng																										
a. Thuế GTGT hàng sản xuất trong nước																										
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu																										
2/ Thuế TTĐB hàng sx trong nước, hàng NK																										
5/ Thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu																										
6/ Thuế thu nhập doanh nghiệp																										
7/ Thuế chuyên thu nhập																										
8/ Thuế tài nguyên																										
cao																										
10/Thuế sử dụng đất nông nghiệp																										
11/ Thuế nhà đất																										
12/ Thuế chuyên quyền SD đất																										
13/ Thuế môn bài																										
14/ Thu nhập sau thuế thu nhập																										
15/ Thu sử dụng vốn																										
16/ Thu sự nghiệp																										
II- Các khoản phí, lệ phí																										
14/ Lệ phí trước bạ																										
15/ Phí xăng dầu																										
16/ Các loại phí, lệ phí																										
III. Các khoản thu khác còn lại																										
17/ Thu tiền thuê đất, mặt đất, mặt nước																										
18/ Thu tiền sử dụng đất và giao đất trồng rừng																										
19/ Thu tiền bán nhà ở thuộc SHNN																										
20/ Thu Ngân sách xã																										
21/ Thu khác																										
IV- Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN																										
- Ghi thu ghi chi																										
- Thu từ xô số kiến thiết nước (thải)																										
V- Thu viện trợ không hoàn lại																										
VI. Thu từ khí thiên nhiên																										
VII. Thu từ dầu thô																										

Thành phố Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC SỐ 6 - BIỂU 10

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ...

(Dùng cho UBND thành phố trực thuộc TW trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung các khoản chi	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Dự toán năm
1	2	3	4
Tổng chi NSDP			
A. Chi cân đối NSDP			
I. Chi đầu tư phát triển			
<u>Trong đó</u>			
- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
- Chi khoa học công nghệ			
II. Chi thường xuyên			
1. Chi trợ giá các mặt hàng chính thức			
2. Chi sự nghiệp kinh tế			
<i>Tr.đó:</i> - Chi SN nông - lâm - thủy lợi			
- Chi SN giao thông			
- Chi SN kiến thiết thị chính			
- Chi sự nghiệp khác			
3. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
- Chi sự nghiệp giáo dục			
- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề			
4. Chi sự nghiệp y tế			
5. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
6. Chi sự nghiệp văn hóa – thông tin			
7. Chi sự nghiệp phát thanh			
8. Chi sự nghiệp Thể dục – thể thao			
9. Chi đảm bảo xã hội			
10. Chi quản lý hành chính			
- Chi quản lý nhà nước			
- Chi hoạt động của cơ quan Đảng			
- Chi hoạt động Đoàn thể			
11. Chi an ninh quốc phòng địa phương			
12. Chi khác ngân sách			
III. Chi trả nợ gốc và lãi vay đầu tư CSHT theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN			
IV. Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V. Dự phòng			
VI. Nguồn cải cách tiền lương			
B. Chi từ nguồn bổ sung của NSTW			
C. Các khoản chi bằng nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách (0+TS)			

**ĐÁNH GIÁ CHI ĐẦU TƯ XDCB CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ
NĂM ... VÀ DỰ TOÁN**

STT	Lĩnh vực đầu tư	Kế hoạch năm 2008	Ước thực hiện 2008	Dự toán năm 2008
1	Chương trình giống cây con			
2	Chương trình đầu tư cho giáo dục			
3	Chương trình đầu tư cho y tế			
4	Chương trình 3 giảm			
5	Chương trình xây dựng nhà tái định cư			
6	Chương trình xây dựng CVPM Quang Trung, KCNC và khu đô thị mới Thủ Thiêm (kể cả trả lãi vay)			
7	Chương trình xây dựng các chợ đầu mối			
8	Chương trình nước sạch			
9	Chương trình xây dựng khu tưởng niệm các Vua Hùng			
10	Chương trình chống ngập nước đô thị			
11	Chương trình xử lý rác			
12	Các công trình và dự án khác			
13	Vốn khấu hao cơ bản từ phụ thu tiền điện			
14	Phân cấp vốn cho UBND quận – huyện quản lý			
15	Vốn quảng cáo đài truyền hình			
16	Vốn đối ứng ODA			
17	Kế hoạch giải ngân vốn ODA			
18	Chương trình đầu tư cho giao thông			
19	Công tác quy hoạch			
20	Thanh toán khối lượng đọng			
21	Cấp bù lãi vay kích cầu			
	TỔNG SỐ			

Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục số 6 - Biểu 13

**KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ
THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 8 LUẬT NSNN**

NĂM 2009

(Dùng cho UBND thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp và báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Nội dung các khoản chi	Dự toán 2008	Ước thực hiện 2008	Dự toán 2009
A	B	1	2	3
1	Vốn đầu tư XDCB trong nước của ngân sách cấp tỉnh			
2	Mức tối đa được huy động theo chế độ			
3	Tổng dư nợ đến thời điểm báo cáo			
	Gồm:			
	- Trái phiếu đô thị			
	- Vốn nhân rỗi KBNN TW			
	- Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển			
4	Số trả nợ vốn huy động trong năm (cả gốc và lãi)			
	- Trái phiếu đô thị			
	- Vốn nhân rỗi KBNN TW			
	- Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển và vay khác			
5	Dự kiến huy động vốn năm 2008			
	- Trái phiếu đô thị			

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
CHƯƠNG TRÌNH 135, DA TRỒNG MỚI 5 TRIỆU HA RỪNG, MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KHÁC NĂM VÀ DỰ TOÁN NĂM**

STT	Nội dung chi	Thực hiện năm 2007						Dự toán năm 2008						Ước thực hiện năm 2008						Dự toán năm 2009									
		Tổng số	Cấp thành phố thực hiện			Cấp huyện thực hiện			Tổng số	Cấp thành phố thực hiện			Cấp huyện thực hiện			Tổng số	Cấp thành phố thực hiện			Cấp huyện thực hiện			Tổng số	Cấp thành phố thực hiện			Cấp huyện thực hiện		
			Tổng số	Vốn ĐT	Vốn SN	Tổng số	Vốn ĐT	Vốn SN		Tổng số	Vốn ĐT	Vốn SN	Tổng số	Vốn ĐT	Vốn SN		Tổng số	Vốn ĐT	Vốn SN	Tổng số	Vốn ĐT	Vốn SN		Tổng số	Vốn ĐT	Vốn SN	Tổng số	Vốn ĐT	Vốn SN
A	B	1=2+5	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7	1=2+5	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7	1=2+5	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7	1=2+5	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7
	TỔNG SỐ																												
	I Chương trình mục tiêu quốc gia																												
1	CT xóa đói giảm nghèo (VL)																												
2	CT MTQG về việc làm																												
3	CT MTQG Dân số và Kế hoạch hóa gia đình																												
4	Chương trình Y tế (CTMTQG phòng, chống 1 số bệnh XH, Bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS)																												
5	CT MTQG vệ sinh an toàn thực phẩm																												
6	CT MTQG nước sạch VS MT Nông thôn (Sở NN và PTNT)																												
7	CT MTQG về văn hóa																												
8	CT MTQG Giáo dục và Đào tạo																												
9	CT MTQG phòng, chống tội phạm																												
10	CT MTQG phòng, chống ma túy																												
	II Chương trình 135 giai đoạn II																												
	III Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng																												
	IV Một số mục tiêu, nhiệm vụ khác																												
1	Hỗ trợ Đầu tư Khu Công nghệ cao (Phát triển CNTT)																												
2	Cty phần mềm Quang Trung																												
3	Đầu tư đề án Tin học hóa (CQ Đảng – Đề án 06-47 VP Thành ủy)																												
4	Đề án Tin học hóa cơ quan Đảng (Sở Bưu chính – Viễn thông)																												
5	Ban QL DA Sở LĐT BXH																												
6	Các hỗ trợ khác (Cấp bù lãi suất cho Quỹ ĐTPT Đô thị thực hiện cho vay DA PT vận tải HKCC bằng xe buýt)																												
7	Đầu tư các dự án bằng nguồn vốn vay ngoài nước (ODA)																												
8	CT ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ lang thang, bị xâm hại tình dục và phải LĐ nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm theo QĐ 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 của TTCP																												
9	Hỗ trợ kinh phí sáng tác, hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao theo QĐ 926/QĐ-TTg ngày 06/7/2006 của TTCP																												
10	Hỗ trợ cước vận chuyển sách báo ra nước ngoài (Cty CP phát hành sách TP – FAHASA)																												
11	Kinh phí nghiên cứu khoa học																												
12	Vốn trợ giá trợ cước																												
13	CT chăm sóc trẻ em không nơi nương tựa theo QĐ 65/QĐ-TTg (Sở LĐT BXH)																												
14	CT QG bảo hộ, an toàn, vệ sinh lao động																												
15	Hỗ trợ DA QL sau cai nghiện (Sở LĐT BXH và LL TNXP)																												
16	Chính sách nhà ở xã hội theo NQ 34																												
	V Chương trình của địa phương																												
1	Khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi																												
2	Khám chữa bệnh cho người nghèo (Số ĐT được hưởng CS theo chế độ)																												

TỔNG DỰ TOÁN CHI TRỢ GIÁ, TRỢ CƯỚC VẬN CHUYỂN, CÁC MẶT HÀNG CHÍNH SÁCH NĂM

Dvt: Triệu đồng

Stt	Mặt hàng trợ giá, trợ cước	Đơn vị tính trợ giá	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM			DỰ KIẾN NĂM		
			Khối lượng	Đơn giá (1000Đ)	Số tiền	Khối lượng	Đơn giá (1000Đ)	Số tiền
A	B		2			2		
	Tổng số							
1	Trợ giá đàn giống gốc	<i>con giống</i>						
2	Bù hụt thu thủy lợi khí							
	<i>a/ Khu tưới kênh Đông - Củ Chi</i>							
	- Vụ Đông Xuân	<i>hecta</i>						
	- Vụ Hè Thu	<i>hecta</i>						
	- Vụ mùa	<i>hecta</i>						
	<i>b/ Khu tưới Hóc Môn - Bắc Bình Chánh</i>							
	- Lúa	<i>hecta</i>						
	- Cây ăn trái, dừa mía	<i>hecta</i>						
3	Trợ giá xe buýt							

Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục số 6 - Biểu 17

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM

NỘI DUNG	Đơn vị tính	ƯTH 2008	DT2009
Tổng số chi	Triệu đồng		
Trong đó: + Lương ngạch bậc	Triệu đồng		
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng		
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng		
1. Chi Giáo dục mầm non	Triệu đồng		
a) Nhà trẻ quốc lập:	Triệu đồng		
- Học sinh	Cháu		
- Giáo viên	Người		
- Mức chi bình quân/học sinh	Đồng		
b) Mẫu giáo quốc lập:	Triệu đồng		
- Học sinh	Cháu		
- Giáo viên	Người		
- Mức chi bình quân/học sinh	Đồng		
2. Giáo dục phổ thông quốc lập	Triệu đồng		
a) Giáo dục tiểu học (từ lớp 1 - 5)	Triệu đồng		
- Số trường	Trường		
- Số lớp	Lớp		
- Số học sinh	Học sinh		
- Số giáo viên	Người		
- Mức chi bình quân/học sinh	Đồng		
b) Giáo dục trung học cơ sở (Lớp 6 - 9)	Triệu đồng		
- Số trường	Trường		
- Số lớp	Lớp		
- Số học sinh	Học sinh		
- Số giáo viên	Người		
- Mức chi bình quân/học sinh	Đồng		
c) Giáo dục trung học phổ thông (Lớp 10 - 12)	Triệu đồng		
<i>c1. Giáo dục trung học phổ thông thành phố</i>	<i>Triệu đồng</i>		
- Số trường	Trường		
- Số lớp	Lớp		
- Số học sinh	Học sinh		
- Số giáo viên	Người		
- Mức chi bình quân/học sinh	Đồng		
<i>c2. Giáo dục trung học phổ thông quận huyện</i>	<i>Triệu đồng</i>		
- Số trường	Trường		
- Số lớp	Lớp		
- Số học sinh	Học sinh		
- Số giáo viên	Người		
- Mức chi bình quân/học sinh	Đồng		
3. Giáo dục quốc lập khác	Triệu đồng		

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ NĂM

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM				DỰ TOÁN NĂM			
	Số học sinh	Mức chi b/q 1HS (1.000đ)	Tổng số chi		Số học sinh	Mức chi b/q (1.000đ/người)	Tổng số chi	
			T.số (Tr.đ)	L&PCL,HB			T.số (Tr.đ)	L&PCL,HB
Tổng cộng								
1. Đại học - Cao đẳng								
- Khối Sư phạm								
2. Trung học chuyên nghiệp								
3. Đào tạo nghề								
- Khối thành phố								
- Khối quận huyện								
+ <i>Trung tâm dạy nghề</i>								
+ <i>Trường công nhân kỹ thuật</i>								
4. Đào tạo khác								
- Khối thành phố								
- Khối quận huyện								
5. Chương trình đào tạo 300 Tiến sĩ - Thạc sĩ								

Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục số 6 - Biểu 19

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ NĂM

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	U' TH 2008	DT2009
Tổng số chi	Triệu đồng		
Trong đó: + Lương ngạch bậc	Triệu đồng		
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng		
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng		
1. Chi khám chữa bệnh	Triệu đồng		
a) Tuyên thành phố:	Triệu đồng		
- Số cơ sở khám chữa bệnh	Bệnh viện		
- Số giường bệnh	Giường		
- Số y, bác sỹ và nhân viên y tế	Người		
- Mức chi bình quân/giường bệnh	Ngàn đồng		
b) Tuyên quận huyện	Triệu đồng		
- Số cơ sở khám chữa bệnh	Cơ sở		
- Số giường bệnh	Giường		
- Số y, bác sỹ và nhân viên y tế	Người		
- Mức chi bình quân/giường bệnh	Ngàn đồng		
b) Tuyên phường xã:	Triệu đồng		
- Số cơ sở khám chữa bệnh	Cơ sở		
- Số giường bệnh	Giường		
- Số y, bác sỹ và nhân viên y tế	Người		
- Mức chi bình quân/giường bệnh	Đồng		
2. Chi phòng bệnh	Triệu đồng		
a) Tuyên thành phố:			
- Chi cho bộ máy quản lý	Triệu đồng		
- Chi cho hoạt động phòng chống dịch bệnh	Triệu đồng		
b) Tuyên quận huyện			
- Số cơ sở khám chữa bệnh	Cơ sở		
- Kinh phí chi giường bệnh	Triệu đồng		
<i>Số giường bệnh</i>	<i>Giường</i>		
<i>Mức chi bình quân/giường bệnh</i>	<i>Đồng</i>		
- Chi cho bộ máy quản lý	Triệu đồng		
- Chi phòng bệnh	Triệu đồng		
- <i>Số dân</i>	<i>Người</i>		
- <i>Định mức chi phòng bệnh</i>	<i>Đồng</i>		
3. Mua thẻ khám chữa bệnh cho người nghèo	Triệu đồng		
4. Chi khám chữa bệnh miễn phí cho TE < 6 tuổi	Triệu đồng		

CƠ SỞ TÍNH CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM

CHỈ TIÊU	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM				DỰ TOÁN NĂM			
	Biên chế (người)	Định mức chi (1.000đ/người)	Tổng số chi		Biên chế (người)	Định mức chi (1.000đ/người)	Tổng số chi	
			T.số (Tr.đ)	Lương&PCL			T.số (Tr.đ)	Lương&PCL
Tổng số chi								
1. Chi Quản lý nhà nước								
a) Cấp thành phố								
b) Cấp quận - huyện								
c) Cấp phường - xã								
2. Chi hoạt động Đảng								
a) Cấp thành phố								
b) Cấp quận - huyện								
c) Cấp phường - xã								
3. Chi hỗ trợ các đoàn thể, hội								
a) Cấp thành phố								
b) Cấp quận - huyện								
c) Cấp phường - xã								
4. Các khoản chi ngoài định mức								
a) Phụ cấp đại biểu HĐND các cấp								
- Cấp thành phố								
- Cấp quận - huyện								
- Cấp phường - xã								
b) Hợp HĐND cấp phường - xã								

Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục số 6
BIỂU SỐ 21**TỔNG HỢP BIÊN CHẾ, TIỀN LƯƠNG NĂM**

NỘI DUNG	Đơn vị tính	Thực hiện năm	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Dự toán năm
Tổng biên chế	Người				
Tổng quỹ lương HCSN	Triệu đồng				
+ Lương ngạch bậc, chức vụ	Triệu đồng				
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng				
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng				
1. Quản lý hành chính					
- Số biên chế	Người				
- Quỹ tiền lương	Triệu đồng				
+ Lương ngạch bậc, chức vụ	Triệu đồng				
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng				
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng				
2. Sự nghiệp giáo dục					
- Số biên chế	Người				
- Quỹ tiền lương	Triệu đồng				
+ Lương ngạch bậc, chức vụ	Triệu đồng				
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng				
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng				
3. Sự nghiệp đào tạo					
- Số biên chế	Người				
- Quỹ tiền lương	Triệu đồng				
+ Lương ngạch bậc, chức vụ	Triệu đồng				
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng				
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng				
4. Sự nghiệp y tế					
- Số biên chế	Người				
- Quỹ tiền lương	Triệu đồng				
+ Lương ngạch bậc, chức vụ	Triệu đồng				
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng				
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng				
5. Sự nghiệp Văn hóa thông tin					
- Số biên chế	Người				
- Quỹ tiền lương	Triệu đồng				
+ Lương ngạch bậc, chức vụ	Triệu đồng				
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng				
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng				
6. Sự nghiệp phát thanh					
- Số biên chế	Người				
- Quỹ tiền lương	Triệu đồng				
+ Lương ngạch bậc, chức vụ	Triệu đồng				
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng				
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng				
7. Sự nghiệp thể dục thể thao					

- Số biên chế	Người				
- Quỹ tiền lương	Triệu đồng				
+ Lương ngạch bậc, chức vụ	Triệu đồng				
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng				
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng				
8. Sự nghiệp xã hội					
- Số biên chế	Người				
- Quỹ tiền lương	Triệu đồng				
+ Lương ngạch bậc, chức vụ	Triệu đồng				
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng				
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng				
9. Sự nghiệp kinh tế					
- Số biên chế	Người				
- Quỹ tiền lương	Triệu đồng				
+ Lương ngạch bậc, chức vụ	Triệu đồng				
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng				
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng				
10. Sự nghiệp KHCN					
- Số biên chế	Người				
- Quỹ tiền lương	Triệu đồng				
+ Lương ngạch bậc, chức vụ	Triệu đồng				
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng				
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng				
11. Sự nghiệp khác					
- Số biên chế	Người				
- Quỹ tiền lương	Triệu đồng				
+ Lương ngạch bậc, chức vụ	Triệu đồng				
+ Các khoản phụ cấp	Triệu đồng				
+ Các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng				

Phụ lục số 6- Biểu số 22
Tỉnh (thành phố).....

Tổng hợp dự toán các khoản phí và lệ phí năm
(Dùng cho Sở Tài chính - Vật giá báo cáo UBND, Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên loại phí, lệ phí	Ước thực hiện năm (năm hiện hành)			Dự toán năm ... (năm kế hoạch)		
	Tổng số phát sinh	Số được để lại theo chế độ	Số nộp ngân sách	Tổng số phát sinh	Số được để lại theo chế độ	Số nộp ngân sách
Tổng cộng:						
A. Phí và lệ phí Trung ương						
-						
-						
B. Phí và lệ phí tỉnh						
-						
-						
C. Phí và lệ phí huyện						
-						
-						
D. Phí và lệ phí xã						
-						
-						

Ngàythángnăm

Dân số (các huyện nghề)	người																			
- Số xã (các huyện nghề)	xã																			
Trong đó: số xã thuộc chương trình 135 giai đoạn II	xã																			
- Tổng số thôn, bản (các huyện nghề)	thôn, bản																			
Trong đó:																				
+ Số thôn, bản ở xã khu vực II của Chương trình 135 giai đoạn II	thôn, bản																			
+ Số thôn, bản biên giới	thôn, bản																			

....., ngày..... tháng..... năm 2009
T.M. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....
Chủ tịch

Biểu số 3

Đơn vị: Triệu đồng

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2006 - 2010 VÀ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

ST	CHỈ TIÊU	GIAI ĐOẠN 2006 - 2010																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1																
		TRONG ĐÓ																
1.1	THU TỪ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC	1.1																
		TRONG ĐÓ																
1.2	THU TỪ DOANH NGHIỆP CỔ VỐN ĐTN	1.2																
		TRONG ĐÓ																
1.3	THU TỪ KHU VỰC KINH TẾ NỢP	1.3																
		TRONG ĐÓ																
1.4	THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	1.4																
		TRONG ĐÓ																
2	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	2																
		TRONG ĐÓ																
2.1	THUẾ XK, THUẾ NK VÀ THUẾ TTĐB HÀNG NK	2.1																
		TRONG ĐÓ																
2.2	THUẾ GTGT HÀNG NHẬP KHẨU	2.2																
		TRONG ĐÓ																
3	THU HUY ĐỘNG THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 8 LUẬT NSNN	3																
		TRONG ĐÓ																
II	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ (I)	II																
		TRONG ĐÓ																
1	CHI DẦU TỬ PHÁT TRIỂN	1																
		TRONG ĐÓ																
1.1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DÂY NGHE	1.1																
		TRONG ĐÓ																
1.2	LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ	1.2																
		TRONG ĐÓ																
1.3	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	1.3																
		TRONG ĐÓ																
2	CHI THUỶNG XUYẾN	2																
		TRONG ĐÓ																
2.1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DÂY NGHE	2.1																
		TRONG ĐÓ																
2.2	LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ	2.2																
		TRONG ĐÓ																
2.3	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	2.3																
		TRONG ĐÓ																
3	CHI TRẢ NỢ NGUỒN HUY ĐỘNG THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 8 LUẬT NSNN	3																
		TRONG ĐÓ																
4	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRÙ TÀI CHÍNH	4																
		TRONG ĐÓ																
III	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	III																
		TRONG ĐÓ																
1	SỐ BỔ SUNG CĂN ĐỔI	1																
		TRONG ĐÓ																
2	SỐ BỔ SUNG CÒ MỨC TIÊU (2)	2																
		TRONG ĐÓ																
-	CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA	-																
		TRONG ĐÓ																
-	CHƯƠNG TRÌNH 135	-																
		TRONG ĐÓ																
-	DỰ ÁN TRỒNG MỚI 5 TRIỆU HA RỪNG	-																
		TRONG ĐÓ																
-	CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN QUẢN TRỊ KHÁC	-																
		TRONG ĐÓ																

Ghi chú

- (1) Được xác định trên cơ sở nguồn chi cần đổi ngân sách địa phương và số bổ sung mức tiêu (nếu có)
- (2) Số bổ sung để thực hiện các chương trình mức tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, các chương trình, dự án quản trị rừng và các chế độ, chính sách mới
- (3) Đánh giá kết quả thực hiện miền, giám, gia hạn thuê năm 2009 theo biểu số 3a

....., ngày ..thángnăm 2009
 T.M. Ủy ban nhân dân thành phố
 Chủ tịch

Tỉnh, thành phố:
**TỔNG HỢP SỐ THUẾ ĐƯỢC MIỄN, GIẢM, GIA HẠN NĂM 2009 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 30/2008/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
 QUYẾT ĐỊNH SỐ 16/2009/QĐ-TTg, QUYẾT ĐỊNH SỐ 58/2009/QĐ-TTg, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Biểu số 3a

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN 6 THÁNG								Ước thực hiện cả năm			
		TỔNG SỐ thuế Giảm	Miễn thuế	Gia hạn nộp thuế	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9
A	B	TỔNG SỐ thuế Giảm	Miễn thuế	Gia hạn nộp thuế	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9
I.	<u>Thu nội địa</u>												
1	<u>Khu vực DNNN Trung ương</u>												
	- Thuế giá trị gia tăng												
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp												
2	<u>Khu vực DNNN địa phương</u>												
	- Thuế giá trị gia tăng												
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp												
3	<u>Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài</u>												
	- Thuế giá trị gia tăng												
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp												
4	<u>Thuế CTN DV NPD</u>												
	- Thuế giá trị gia tăng												
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp												
5	<u>Lệ phí trước bạ</u>												
6	<u>Thuế thu nhập cá nhân</u>												
II.	<u>Thu từ hoạt động XNK</u>												
	- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu												

....., ngày năm 2009
 Chủ tịch
 TM. Ủy ban nhân dân thành phố

Biểu số 5

TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN BỔ SUNG CƠ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2010
ĐỂ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG ĐÃ ĐƯỢC CẤP CỠ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	NĂNG LỰC THIẾT KẾ	THỜI GIẠN KHỞI CÔNG HOÀN THÀNH	SỐ VỐN ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ KHỞI LƯƠNG ĐÃ THỰC HIỆN TỪ KHỞI CÔNG ĐẾN 30/6/2009	SỐ VỐN ĐÃ BỎ		TRONG ĐỘ NGÂN SÁCH TRUNG HỢ TRÒ	BỘ TRƯỞNG TÀI NGUYÊN CHÍNH NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	NGƯỜN TẠI CỬA PHÁP LƯẬT	TRUNG HỢ TRÒ	GHI CHÚ (TÊN VĂN BẢN, DIỄN GIẢI)
						TRỊ ĐEN 31/12/2009	TỔNG SỐ					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	DỰ ÁN A											
2	DỰ ÁN B											
3	CÔNG TRÌNH A											
4	CÔNG TRÌNH B											
5											

TM. Ủy ban nhân dân thành phố năm 2009
 Chủ tịch

Biểu số: 6

Tỉnh, thành phố:

**TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 8 LUẬT NSNN, DỰ NỢ
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010 VÀ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 (1)**

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN ĐOẠN 2006 - 2010		GIAI ĐOẠN 2011 - 2015								SO SÁNH							
		THỰC HIỆN ĐOẠN 2006 - 2010	TRONG ĐO	KẾ HOẠCH 2011 - 2015	TRONG ĐO	KH	KH	KH	KH	KH	KH	2009/2008	2010/2009						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1	Tổng dư nợ huy động cho đầu tư XD CB đầu kỳ (theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN)																		
	Gồm																		
	- Vay Ngân hàng Phát triển																		
	- Vay tạm ứng KBNN																		
	- Vay Ngân hàng thương mại																		
	- Phát hành trái phiếu (trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu đô thị)																		
	- Nguồn khác																		
2	Nhiệm vụ trả nợ huy động trong kỳ																		
	- Trả gốc																		
	- Trả lãi																		
3	Mức kinh phí bổ trợ toàn ngân sách để thanh toán số nợ đến hạn trả trong kỳ																		
4	Số huy động bổ sung cho đầu tư XD CB trong kỳ (theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN - nếu có)																		
5	Dư nợ huy động cho đầu tư cuối kỳ (theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN)																		

Ghi chú: (1) Ngân sách địa phương phải chủ động bù trị ngân sách để trả đủ nợ đến hạn trong năm ngân sách theo quy định của Luật NSNN

....., ngày, tháng, năm 2009
Chủ tịch
TM. Ủy ban nhân dân thành phố

Tỉnh, thành phố:

Biểu số 7

TỔNG HỢP VỐN HUY ĐỘNG ĐẦU TƯ XÃ HỘI THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2006 - 2010 VÀ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2001 - 2005	GIAI ĐOẠN 2006 - 2010						GIAI ĐOẠN 2011 - 2015						SO SÁNH			
		THỰC HIỆN	TRONG ĐỢI	KẾ HOẠCH	TRONG ĐỢI	TRONG ĐỢI	TRONG ĐỢI	KH	KH	KH	KH	KH	KH				
	2006 - 2010	TH	TH	TH	TH	DT	2011 - 2015	2011	2012	2013	2014	2015	2009/2008	2010/2009	GD2006-2010/ GD2001-2005	GD2011-2015/ GD2006-2010	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tổng vốn đầu tư xã hội																	
Gồm																	
- Nguồn ngân sách nhà nước																	
- Nguồn vốn tín dụng																	
- Nguồn doanh nghiệp nhà nước																	
- Nguồn đầu tư nước ngoài																	
- Nguồn doanh nghiệp ngoài nhà nước																	
- Nguồn vốn khác																	

....., ngày, tháng năm 2009
 Chủ tịch
 TM. Ủy ban nhân dân thành phố

Tỉnh, thành phố

Biểu số 8

**TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT
NĂM 2009 VÀ NĂM 2010**

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN NĂM 2009	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2009	DỰ KIẾN NĂM 2010	SO SÁNH 2010/2009
A	B	1	2	3	4
1. Tổng số thu	<i>Triệu đồng</i>				
2. Tổng số chi	<i>Triệu đồng</i>				
<i>Trong đó:</i>					
- Chi cho giáo dục	<i>Triệu đồng</i>				
+Tỷ trọng chi cho giáo dục trong tổng số chi	%				
- Chi cho y tế	<i>Triệu đồng</i>				
+Tỷ trọng chi cho y tế trong tổng số chi	%				

....., ngày.....tháng....năm 2009
TM. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
Chủ tịch

Tỉnh (thành phố):

Biểu số 9

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN BỐ, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH 135, DỰ ÁN TRỒNG MỚI 5 TRIỆU HA RỪNG VÀ DỰ TOÁN NĂM 2010

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm 2009			Chi tiêu khối lượng năm 2009	Ước thực hiện năm 2009			Dự kiến năm 2010		
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
A	B	1=2+3	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10
	TỔNG CỘNG										
I	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA										
1	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIÀM NGHÈO										
	- MỤC TIÊU (DỰ ÁN ...)										
	- MỤC TIÊU (DỰ ÁN ...)										
2	CHƯƠNG TRÌNH MTQG VỀ VIỆC LÀM										
3	CHƯƠNG TRÌNH MTQG DẪN SỔ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH										
	- MỤC TIÊU (DỰ ÁN ...)										
	- MỤC TIÊU (DỰ ÁN ...)										
	...										
4	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ BỆNH XÃ HỘI, BỆNH DỊCH NGUY HIỂM VÀ HIV/AIDS										
	- MỤC TIÊU (DỰ ÁN ...)										
	- MỤC TIÊU (DỰ ÁN ...)										
	...										
5	CHƯƠNG TRÌNH MTQG NƯỚC SẠCH VSMT NÔNG THÔN										
6	CHƯƠNG TRÌNH MTQG VỀ VĂN HÓA										
	- MỤC TIÊU (DỰ ÁN ...)										
	- MỤC TIÊU (DỰ ÁN ...)										
	...										
7	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO										
	- MỤC TIÊU (DỰ ÁN ...)										
	- MỤC TIÊU (DỰ ÁN ...)										
	...										
8	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM										
9	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÒNG, CHỐNG MA TÚY										
10	CHƯƠNG TRÌNH MTQG VỀ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM										
	...										
II	CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN II										
1	DỰ ÁN ...										
2	DỰ ÁN ...										
	...										
III	DỰ ÁN TRỒNG MỚI 5 TRIỆU HA RỪNG										

....., ngàythángnăm

TM/. CHỦ TỊCH

Tỉnh (huyện):

Biểu số 10

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN BỐ, GIAO DỰ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG NĂM 2009 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2010

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư	Thời gian khởi công, hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị k.lượng t.hiện từ khởi công đến 30/6/2009	Số k.phí đã thanh toán từ khởi công đến 30/6/2009	Ước thực hiện thanh toán năm 2009			Dự kiến phân bổ, giao dự toán năm 2010				
									Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
										T.toán KL các năm trước chuyển sang	T.toán KL đến 30/6/2009		T.toán KL các năm trước chuyển sang	Dự toán năm 2010	Chia theo nguồn vốn	
													Nguyên NSTW hỗ trợ	Nguyên NSDP bổ trí thêm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15
	TỔNG SỐ															
1	CHƯƠNG TRÌNH A															
2	CHƯƠNG TRÌNH B															
3	DỰ ÁN A															
4	DỰ ÁN B															
5															

....., ngàythángnăm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 169 + 170)